TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Vấn đề cống người vàng (Hết) — *Hoa-Bằng*
* Đại-Nam dật sự (I) — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Trần-thủ-Độ... (Hết) — *Sông-Bằng*
* Văn-hóa Đông-dương... (VII) — *Ứng-Hòe*
* Nam đàn bát châu tục thảo (XV) — *Tùng-vân đạo-nhân*
* Diễm ảnh chiều hè — *Nguyễn-Đan-Tâm*
* Tạo-hóa và nhân-loại (I) — *Minh-Tuyền*
* Những lý-do của một chương-trình — *Nguyễn Nhân*
* Tả-quân Lê-văn-Duyệt (IV) — *Nguyễn Triệu*
* Một vài kiến văn trong dịp đi thăm làng Bối khê (II) — *Vu-Ngã*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXVII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 104**
Thứ năm, 22 Juillet 1943

0$30

Vấn-đề cống người vàng (III)

TRƯỚC TRIỀU QUANG-TRUNG,

ông Nguyễn Hãng ở đời Lê Giụ-Tông (1705-1728) đã xin «đình» (dừng lại) được lệ cống ấy

HOA-BẰNG

Sau Mạc, Lê Trung - hưng lại phải cống người vàng

Sau, Lê mất, nhà Mạc (1527-1593) sợ Minh hỏi tội, có đúc người vàng sang cống để làm của lót. Vả, vì muốn « đấm mồm » thật nhiều cho Minh, họ Mạc chắc phải đúc người vàng to hơn và nặng hơn thuở nhà Lê trước.

Năm bính - thân, hiệu Quang-hưng thứ mười chín (1596), vua Lê Thế-Tông (1573-1599) bấy giờ tuy đã khôi-phục Thăng-long (1), nhưng còn bị người Minh vặn-vẹo bạch xách là không phải thực dòng-dõi họ Lê, nên ngài phải thân lên Trấn-Nam quan để cùng người Minh dự việc hội khám. Người Minh trùng-trình không đến họp, yêu-xách *người vàng*, v. v. (Khâm - định Việt-sử quyển 30, tờ 15).

Rồi vua Lê phải sai lũ Đỗ Uông đem *hai pho người vàng, người bạc* và cống-phẩm lên Lạng-sơn để chầu-chực đưa cống, song lại bị người Minh thoái-thác bằng lời văn-hoa giả-dối (Khâm-định Việt-sử quyển 30 tờ 18 b — 19 b). Thế là, trên trang lịch-sử ngoại-giao với Tàu ở đời Lê Trung-hưng lại thấy việc cống người vàng xuất hiện từ đó.

Qua năm Quang-hưng thứ 20 (1597) lại sai Phùng khắc-Khoan (2), sang sứ Tàu, để giao-thiệp với người Minh về việc cầu phong. Cũng nhờ ông Phùng đây là người có tài ngoại giao, nên mới nói êm được việc người Minh hạch sách người vàng lớn, nhỏ, nặng, nhẹ.

Đây, tôi xin dịch một đoạn Hán văn trong *truyện Phùng-khắc-Khoan* ở loại *Nhân-vật chí* sách *Lịch triều hiến chương*:

« ...*Đinh-dậu, năm thứ 20, (ông) vâng mạng đi sứ. Bấy giờ người Minh ăn của lót của mầm độc họ Mạc, không chịu dung - nạp ông: Khắc - Khoan chầu-chực, có đưa thư lên xoái-ty, hết sức nói họ Mạc là kẻ cướp ngôi, tội trạng đã rành rành. Nay con cháu nhà Lê gõ cửa quan, chờ mạng-lịnh. Nếu Thiên - trào (tiếng ngoại-giao của ta xưa dùng gọi nước Tàu) phò Mạc nên Lê thì là về hùa với kẻ gian, làm hại người ngay, sao tỏ nghĩa lớn với thiên - hạ, giữ danh - giáo cho muôn đời được nữa? Người Minh khen phải, để cho ông vào trong cửa ải. Ông bèn được chảy tới Kinh-đô (nhà Minh).*

« *Khi đã tới Yên-kinh, Lễ-bộ-đường có trách ông về việc người vàng thế thân không làm đúng y mẫu cũ: họ bèn bắt ông ngừng lại, chứ không để cho vào chầu. Khắc-Khoan cãi: Họ Mạc cướp-lấn thì danh là nghịch; nhà Lê khôi-phục thì danh là thuận. Họ Mạc được theo hình thức làm người vàng thế thân đã là hướng ơn may mắn lắm rồi. Đèn như họ Lê đời làm cống thần thì hình-dáng người vàng đã có mẫu sẵn ở đó. Nay nếu vin lấy họ Mạc làm lệ thì sao nêu-rệt được cái nghĩa răn dữ, khuyên lành?*

« *Lời trạng của ông được thấu đến tai vua Minh, vua Minh rồi cũng thuận theo cái hình-thức của Tiền Lê* (3). »

Đại thân kim nhân không phải là người vàng thay cho bản-thân quốc vương

Có nhiều người cho rằng người vàng là thay cho bản-thân quốc-vương nước ta. Song, tôi tưởng không phải.

Ở ngoài Bắc, từ già chí trẻ ai cũng nghe biết câu này: *Nợ như nợ Liêu Thăng*. Còn ở Nam và Trung-kỳ, câu đó có phổ-thông hay chăng, tôi không rõ. Một chuyện như chuyện nợ Liễu-Thăng chắc là một cái nạu lớn đối

với ta xưa, nên nó mới in sâu vào óc người mình và dễ truyền khắp dân gian như vậy. Chắc xưa, khi người Minh bắt cống người vàng, họ cũng lấy nê nói rằng các tướng Minh như Liễu-Thăng đã phải chết vì tay người Nam thì nay chúng tôi muốn lấy số vàng này để gọi là đền bù cho gia-quyến những tướng đã tử trận đó. Thế rồi lâu ngày thành quen: hễ ta đem cống người vàng thì nói là đền mạng Liễu-Thăng; còn Tàu thì nói rằng lấy người vàng là bắt nợ về việc Liễu-Thăng. Trải qua nhiều đời cho đến Lê Trung hưng, việc đó thành lệ thường cống. Rồi Sử-gia cứ chép là « người vàng thế thân » song không nói rõ là thế thân ai nữa.

Nếu đúc người vàng để thay thế cho bản-thân vua nước Nam, thì sao đời vua Lê Thế-Tông lại có thể đúc người vàng theo mẫu cũ như trong *Lịch triều hiến chương* đã nói đó? và sao người Minh lại ưng-thuận cái hình-thức từ đời Tiền Lê? Nói rằng « mẫu sẵn » thì quyết không phải đúc người vàng thay cho bản-thân quốc vương. Vì triều nào thì theo vua nấy, lẽ đâu không thay cho bản thân vua Thế-Tông bấy giờ mà trở theo mẫu sẵn để thay cho vua Thái Tổ ngày trước? Vậy bốn chữ « đại thân kim nhân » chỉ có nghĩa là người vàng thế mạng. Mạng ai? Mạng Liễu-Thăng! Vì ta phải đúc người vàng để đền mạng Liễu-Thăng, nên câu « nợ Liễu-Thăng » mới lưu hành khắp dân-gian, mà khi tôi còn để chỏm, đã được nghe mấy lời ấy thường thốt ra từ miệng ông già bà cả. Có điều ta nên chú ý: Chắc khi vua Lê Tổ đúc người vàng cho nhà Minh thì cái hình người vàng đó tất bé nhỏ gọi là cố đủ hình người thôi. Nhưng nhà Minh cũng không dám nói-năng hạch-xách chi hết, vì họ sợ thanh thần kiếm của ngài hãy còn bén lắm. Tới phiên nhà Mạc, phần vì hèn yếu, phần vì tình gian, cần phải bợ-đỡ người Minh cho êm chuyện, nên mới đúc cho to-lớn để người Minh được hưởng nhiều vàng. Về sau, Lê trung-hưng, lại làm người vàng bé nhỏ như hồi Lê sơ; nếu không có ông Phùng là tay học rộng, tài cao, đáng được người Minh vì nể thì việc cống người vàng này còn được là khổ với người Minh.

Đến đời Lê Giụ-Tông, ông Nguyễn Hãng xin « đình » được lệ cống người vàng

Năm mậu-tuất, niên-hiệu Vĩnh-thịnh thứ mười bốn (1718) đời vua Lê Giụ-tông (1705-1728), Binh-bộ hữu thị-lang Nguyễn-công Hãng đóng vai chính sứ, sang Thanh cầu phong cho vua Giụ-Tông (Khâm định Việt-sử quyển 35, tờ 21 b — 22 b).

Về việc này, trong truyện *Nguyễn công Hãng ở Tang thương ngẫu lục*, quyển trên, tờ 10 b — 11 b có chép rõ-ràng, tôi xin trích dịch ra đây để kỷ-niệm một nhà ngoại-giao ta đã góp công trong việc phản-kháng lệ cống người vàng và để chứng thực thêm rằng việc cống ấy là bắt đầu từ đời vua Lê-Tổ và người vàng ấy là thế mạng Liễu Thăng.

« ... Trước kia, Thái-Tổ hoàng-đế đánh người Minh ở núi Mã-yên (thuộc Ôn-châu), chém được tướng Minh là An-viễn-hầu Liễu-Thăng. Kịp khi nộp cống-khoản, người Minh trách-móc bắt đền, phải đúc người vàng để thay thế nó.

« Họ Mạc cướp ngôi, Minh sai Cừu-Loan, Mao-Bá-Ôn sang đánh. Mạc sợ, lấy người vàng đút lót xin hòa.

« Hồi mới Trung-hưng, nhà Minh vặn hỏi về việc tự tiện giết chết cống-thần của Minh là Mạc-Mậu-Hợp, lại phải dùng người vàng để tạ.

« Nhân thế, các triều mới thành ra lệ thường cống. Ông (Nguyễn Hãng) xin bỏ đi. Bộ-viện (nhà Minh) lại đem việc cũ ấy ra hỏi. Ông nói: « Quốc-vương nay giữ cơ nghiệp của tổ-tiên, về việc cống-hiến, không thiếu thốn gì; còn chuyện thâu thành nạp khoản là việc cũ thì kẻ sứ-thần này không dám biết tới.

« Họ lại vặn hỏi về việc Liễu Thăng. Ông nói: « Liễu Thăng là tướng nhà Minh kia. Còn nhà Thanh ta rộng có muôn nước, thế mà lại bo-bo đòi của lót để báo thù cho người xưa thì lấy gì khuyên được người ta đến với mình?... » Thế rồi bắt đầu từ ông, lệ cống người vàng và lệ cống nước rửa ngọc trai (4) mới « dừng lại « (nguyên văn là *đình*) được.

Kết luận

Theo nội chứng và bàng chứng trong các sử sách mà tôi xin ra trong ba kỳ báo (T. T. số 101, 103, 104) đây, thì việc cống người vàng là bắt đầu từ đời vua Lê Thái-Tổ, qua Mạc đến Lê Trung hưng. Tựu trung ở đời Lê thì

(Xem tiếp trang 21)

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 1

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHIỀU người muốn tổ-chức một vài cuộc đi chơi để xem những danh-lam thắng cảnh, hoặc tìm tài-liệu để soạn kịch hay viết tiểu-thuyết lịch-sử, thường hỏi tôi về sự-tích đền no chùa kia và các truyện danh-nhân nước ta.

Tôi xem những truyện ấy đều có ý-nghĩa, nên tôi lấy sách chữ nho, dịch ra đây, phần nhiều chưa ai chép ra quốc-ngữ.

Chép truyện cốt cho dễ hiểu, nên tôi không so-sánh sử ta sử tàu, không tra xét tên người tên đất, chỉ chép cho thành truyện, để hiến độc-giả một ít tài-liệu mà xưa nay chưa ai chép đủ ; tuy có đoạn rườm-rà nhạt-nhẽo nhưng tôi cũng dịch cả, để cho rõ thêm nguyên-ủy từng việc.

I. — Cù hậu và Lữ Gia

Truyện dưới này có thể gọi là truyện một người yêu nước thứ nhất của nước Nam vào khoảng hai nghìn năm về trước. Cứ theo tục-truyền thì vị ái-quốc thứ nhất là đức Đồng-thiên-vương, nhưng truyện đức Đồng thiên-vương là truyện thần-tiên Truyện ông Lữ-Gia mới thật là truyện lịch-sử.

Có người nói : « Người nước Nam không biết nghĩa ái-quốc ». Ông A. Launay làm một quyển sử Nam (*Histoire ancienne et moderne de l'Annam*, trang 106) cũng viết một đoạn rằng : « Gọi là nước thì phải liên-lạc các tỉnh với nhau thành đoàn-thể, kết-hợp bằng những mối hồi-tưởng vẻ-vang hay buồn-rầu. Đối với người An-nam thì không thế : chỉ là luật-lệ, chế-độ và phong-tục mà thôi. Có lẽ người Annam ghét người ngoại-quốc hơn là yêu nước, không phải ghét vì cớ người ngoại-quốc dày-xéo đất nước, hay là truyền-bảo theo lệnh chủ khác : chính là ghét vì cớ người ngoại-quốc bắt theo luật mới, đổi tục cũ, không cho tập-quán vào đâu cả ». Nhà làm sử ấy lại thêm một câu rằng : « Nhưng dù vì yêu nước, hay vì ghét người áp-chế, bao giờ dân Annam cũng giữ vững và giơ cao lá cờ độc-lập ».

Truyện ông Lữ Gia kể dưới này, chính là làm cái nêu cho cờ độc-lập ».

Tháng tám năm bính-ngọ (tức là năm 135 trước Thiên-chúa), vua nước Mân-Việt (ở tỉnh Phúc-kiến bây giờ), tên là Dĩnh, đến xâm-lấn các ấp ngoài biên của nước Nam Việt. Vua Nam Việt, tên là Hồ (con Trọng-Thủy, cháu Triệu-Đà hiệu Triệu Văn-vương), giữ điều ước với nhà Hán, không thiện tiện dấy quân, sai người đem thư nói việc ấy với vua nhà Hán. Vua nhà Hán khen vua Triệu Văn-vương là người biết giữ chức-phận, hứa sẽ dấy quân. Rồi sai Vương-Khôi ra Dự-chương, Hàn An-Quốc ra Cối-kê để đánh nước Mân-Việt. Hoài Nam-vương tên là An dâng thư can vua Hán, nhưng vua Hán không nghe.

Quân nhà Hán chưa qua khỏi núi, thì vua Mân-Việt là Dĩnh đã đem quân chống với nhà Hán, nhưng em vua Mân-Việt là Dư-Thiện, cùng với họ hàng giết vua Dĩnh để xin hàng. Thấy thế Vương-Khôi rút quân rồi sai sứ về tâu vua Hán.

Vua Hán sai Trang-Trợ đi báo cho vua Nam Việt. Vua Nam-Việt kính cẩn nói rằng : « Đứng Thiên-tử vì quả-nhân dấy quân, giết vua Mân-Việt, dẫu đến chết cũng không lấy gì báo ơn. » Rồi sai thái-tử là Anh-Tề sang nhà Hán làm con tin. Nhân bảo Trang-Trợ rằng : « Nước mới bị giặc cướp, xin sứ-giả đi trước : quả-nhân sẽ ngày đêm chỉnh-biện hành trang sang chầu Thiên-tử. » Khi Trang-Trợ về rồi các đại-thần đều can rằng : « Quân nhà Hán giết Dĩnh, là muốn kinh-động nước Việt ta. Vua tiên-đế (tức Triệu-Đà) có nói « Thờ nhà Hán chớ thất lễ, không thể đem lời nói khéo mà sang chầu được đâu ». Nếu sang chầu thì không về được, tức là mất nước đấy ! » (Nhập kiến tắc bất đắc phục qui, vong quốc chi thế giã). Vì thế Triệu Văn-vương nói dối là có bệnh, không sang chầu nữa (chép theo *Đại-Việt sử-ký* tiền-biên, quyển 2, tờ 11 b-12 a và *Khâm-định Việt-sử* quyển 1, tờ 28).

Năm ất-mão (126 trước Thiên Chúa) là năm thứ 11 Triệu Văn-vương. Văn-vương bệnh nặng, thái-tử là Anh-Tề từ nhà Hán về.

Năm bính-thìn (125) Triệu Văn-vương mất. Anh-Tề nối ngôi, tự là Minh-vương, cho Lữ Gia là thái-phó (năm 124), lập Cù-hậu làm hoàng-hậu và phong con thứ tên là Hưng, làm thái-tử (năm 123

Nguyên lúc Anh-Tề còn làm thế-tử, sang làm con tin bên nhà Hán, trọ ở Tràng-an, lấy một người con gái ở Hàm-đan là họ Cù, sinh được người con giai đặt tên là Hưng. Kịp khi lên ngôi, giấu ấn (ngọc-tỉ) của tiên-vương, dâng thư sang nhà Hán, xin lập họ Cù làm hoàng-hậu, Hưng làm thế-tử (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 2 tờ 13 a).

Nhà Hán thường sai sứ sang dụ Anh-Tề, (Minh-vương) vào chầu. Minh-vương sợ sang chầu, phải theo phép nhà Hán thì thành nước chư-hầu, bèn cố ý cáo bệnh không sang, mới sai con là Thứ công sang làm con tin (chép theo *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, tiền biên, quyển 1, tờ 29 a-b).

Năm mậu-thìn (113 trước Thiên-Chúa) là năm thứ 12 đời Triệu Minh-vương. Minh-vương mất, con thứ là Hưng nối ngôi, tức là Ai-vương.

Ai-vương tôn mẹ là Cù hậu làm thái-hậu. Trước kia Cù-hậu chưa lấy Anh-Tề thường tư-thông với người ở Bá-lăng họ An Quốc, tên Thiếu-Qui. Năm mậu-thìn (113) sứ nhà Hán là Thiếu Qui sang dụ Triệu Ai-vương và Cù-hậu vào chầu, lại sai bọn Chang Quân, là biện-sĩ làm chức giản-nghị đại-phu sang tuyên-cáo lời dụ ấy, bọn Ngự-thần là dũng-sĩ phụ-tá để quyết-định vệ-úy là Lỗ-bích-Đức đem binh đóng đồn ở Quế-lương để đợi hiệu-lệnh của sứ-giả.

Lúc bấy giờ Triệu Ai-vương tuổi còn nhỏ, Cù-hậu là người Tàu, lại tư-thông với Thiếu-Qui: người trong nước biết cả, phần nhiều tức giận.

Cù-hậu sợ loạn, muốn dựa oai nhà Hán, thường khuyên Ai vương và quần thần xin nội-phụ nhà Hán. Nhân sứ nhà Hán sang Cù-hậu và vua Ai-vương đều dâng thư xin hiến vào hàng chư-hầu, ba năm một lần sang chầu trừ khi có việc quan-hệ ngoài biên thì không kể. Vua nhà Hán y cho, ban cho Ai-vương và thừa-tướng là Lữ-Gia ấn bạc, và ấn các quan nội-sử, trung-úy thái-phó; còn các ấn chức quan khác được tự đặt lấy. Trừ tội kính (chạm vào mặt, rồi lấy mực bôi), tội tỵ (cắt mũi hoặc cắt chân) là tội cũ của nước Nam dùng phép nhà Hán cũng như các nước chư-hầu. Sứ-giả nhà Hán ở lại trấn để trông nom (lưu trấn phủ chi, chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 1, tờ 30 a b, và *Đại-việt Sử-ký toàn thư* quyển 2 tờ 13 a-b).

Tháng 11 năm kỷ-tỵ (112 trước Thiên-Chúa) là năm thứ nhất đời Triệu Ai vương. Triệu-vương và thái-hậu sắm sửa hành-trang và đem nhiều đồ quí báu làm lễ vào chầu vua nhà Hán.

Lúc bấy giờ tể-tướng là Lữ Gia tuổi đã già, làm tướng ba triều vua, họ hàng làm quan và làm tướng lại đến hơn 70 người, con giai đều lấy công chúa, con gái đều gả cho con em họ hàng nhà vua, lại thông gia với Tần-vương ở Thương-ngô, trong nước rất trọng, người trong nước rất tin phần nhiều làm nhũ mục cho ông được lòng dân hơn vua (chép theo *Đại-việt sử ký tiền biên*, quyển 2, tờ 14 a) thường can vua chớ nội-thuộc nhà Hán, nhưng vua không nghe. Vì thế ông sinh lòng phản, thường cáo bệnh, không ra mắt sứ-giả nhà Hán. Sứ-giả đều chú-ý đến Lữ-Gia, nhưng không thể giết nổi.

Ai-vương và Cù hậu sợ bọn Lữ-Gia khởi sự trước, mới đặt tiệc rượu, mời sứ-giả nhà Hán quyền mưu giết bọn Lữ-Gia. Khi sứ giả uống rượu, các đại-thần đều ngồi hầu: sứ-giả ngoảnh mặt phía đông, Cù-hậu ngoảnh mặt phía Nam, Ai-vương ngoảnh mặt phía bắc, tể-tướng là Lữ-Gia và đại-thần đều ngoảnh mặt phía tây. Em Lữ-Gia làm đầu tướng võ đem quân đóng ngoài cung.

Đang khi uống rượu Cù-hậu hỏi Lữ-Gia rằng: « Nước Nam-Việt nội thuộc Tàu là lợi cho nước: tướng-quân không thuận là cớ sao? » Hỏi thế để kính lòng giận của sứ giả nhà Hán. Sứ giả do-dự, chưa dám khởi sự. Lữ-Gia thấy khác ý, liền đứng dậy đi ra: Cù-hậu giận toan lấy giáo đâm Lữ Gia nhưng Ai-vương ngăn được.

Lữ-Gia đi về, chia quân của em đem về nhà, rồi cáo bệnh, không chịu ra mắt vua và sứ-giả, ngầm mưu với các đại-thần để khởi sự. Ai vương vốn không có ý giết Lữ-Gia: Lữ Gia biết, cho nên để đến vài tháng không khởi sự. Một mình Cù hậu muốn giết Lữ-Gia, nhưng sức không làm nổi.

Vua Tàu nghe tiếng Lữ-Gia không theo mệnh-lệnh, Ai-vương và Cù-hậu thì hèn yếu không làm gì nổi, sứ giả thì nhát không quyết-định (chép theo *Đại-Việt sử-ký* toàn thư và tiền biên, quyển 2 tờ 14 15), lại cho mẹ con Triệu-vương đã bằng lòng nội-thuộc, chỉ có một mình Lữ-Gia không chịu, như thế thì không đủ cớ đem quân đến đánh, muốn [illegible] Trang-Sàm đem 2.000 quân đi [illegible] Trang-Sàm tâu rằng: « Để

(Xem tiếp trang 13)

Sử-học luận-đàn

TRẦN-THỦ-ĐỘ,

một vị thủ-tướng độc-tài

(*Tiếp theo*) *của SÔNG-BẰNG*

Công-cuộc cải-cách ấy tiến-hành về đủ các phương-diện : kinh-tế, chánh-trị, xã hội, văn-học ; và, về phương diện nào cũng có kết-quả mỹ-mãn. Việc trước nhất của Độ là đề-xướng lên thuyết : « Con gái họ Trần phải gả cho người họ Trần » Chính Trần Thủ-Độ thực hành ý định ấy trước tiên bằng sự kết-duyên với Trần Thái-hậu (vợ Lý Huệ-Tông, chị họ Trần Thủ-Độ) bấy giờ đã bị giáng xuống làm Thiên-Cực công-chúa. Đó là một việc loạn-luân cổ lai chưa từng có. Nhưng, đối với Trần Thủ-Độ là người chỉ biết hết lòng hy-sinh cho nước và đặt quyền lợi quốc gia trên quyền lợi cá-nhân, đối với một người chỉ muốn nhà Trần gây dựng bằng một căn-bản bền vững thì, vượt qua thói thường của quần-chúng, Trần Thủ-Độ hẳn là có một quan niệm nhân-sinh rất khác đời...

***

Trừ khử được tôn-thất nhà Lý và không băn-khoăn về việc « bên trong », Trần Thủ-Độ yên tâm sửa-sang lại việc nước. Đành rằng đã áp đảo đình-thần bằng thế-lực và binh-quyền, nhưng đấy chưa phải là một cách thu phục nhân-tâm, [illegible]n Trần Thủ-Độ lợi dụng ngay [illegible]ng tín-ngưỡng của các quan, bắt [illegible] phải thề trung thành với quân-[illegible]rong. (1)

Năm thứ ba, niên hiệu Kiến-trung (1227) đời Trần-Thái-Tông (1225-1258), Trần Thủ Độ định rõ nghi lễ về việc tuyên-thệ. Hằng năm cứ đến mùng 4 tháng tư, quan tể-tướng và trăm quan ngay từ lúc gà gáy buổi sáng sớm đã đến tụ họp ở ngoài cửa thành để mờ mờ sáng tiến triều. Vua ngự tại cửa hành-lang bên hữu điện Đại-minh. Trăm quan mặc triều phục lạy hai lạy rồi lui. Kế đó đủ các đồ khí-giới, nghi-trượng, người và ngựa đều từ cửa tây ra ngoài thành đến đền thờ thần núi Đồng-cổ (làng Yên-thái, Hà-nội) họp thề, uống máu. Quan trung-thư kiểm chính tuyên đọc lời thề : « Làm tôi hết lòng trung, ở chức quan phải thanh-bạch, nếu phụ lời thề này thần minh giết đó ». (Vì thần tận trung, cư quan thanh-bạch, hữu du thử minh, thần minh cức chi). Đọc xong, quan tể-tướng đóng cửa đền lại, điểm xem ai vắng mặt sẽ phạt năm quan tiền.

***

Nhưng, muốn hiểu rõ quần-chúng và cách sinh-hoạt của họ nhà vua cần phải giao tiếp với họ luôn nếu cần đến lại còn phải sống 1 đời hoàn-toàn như đời họ đã sống. Bởi vậy, Trần Thủ-Độ có ý kiến làm cho mỗi làng Việt-nam — có tổ-chức hẳn hoi — trở thành một nước nhỏ trong một nước lớn dưới quyền cai-trị của nhà vua.

Năm nhâm dần (1042), Trần Thủ-Độ chia nước Nam làm 12 lộ (tỉnh). Mỗi lộ có nhiều xã. Nhà Trần bổ các quan từ ngũ phẩm trở lên xung chức Đại-tư-xã, từ ngũ phẩm trở xuống xung chức Tiền-tư-xã để trực tiếp với dân các xã mà khai-đạo cho họ. Các quan đại-tư-xã, tiểu-tư-xã (có thể ví như tri-phủ, tri-huyện bây giờ) đều thuộc dưới quyền quan chánh, phó an-phủ sứ. Mỗi xã có xã quan cai trị gọi là xã chánh hay xã giám (tức cũng như lý trưởng, phó lý hiện thời). Ở mỗi làng có quan của nhà vua bổ về cai trị nên đều có công-đường làm việc. Vì thế, làng nào cũng thề theo công-quán bên Tàu lập ra một nóc đình. Gia dĩ vua nhà Trần lại hay ngự du xem xét tình-hình dân thôn nên đình không những vừa là nơi vua lưu-trú, vừa là nơi họp bàn việc quan, việc làng. Đình lập bên các quan lộ : chia làm đoản-đình (5 dặm một đình) và tràng đình (10 dặm một đình). Đoản đình và tràng đình thường làm theo một kiểu giống nhau, hình vuông, nóc có 4 mái uốn quanh góc, kiến-thiết chắc chắn, tường gạch, mái ngói có 1 người dân sở-tại do dân-gian cử ra trông-nom và nhậm chức đình-trưởng. Những khi vua, quan hay quý khách lưu trú tại « đình » thì viên đình-trưởng phải tổ-chức cuộc canh-phòng để ngăn-ngừa trộm cướp, phải sắm thức ăn, thức uống, dầu đèn và phải phục dịch cho cực kỳ chu-đáo. Để đền-bù vào công khó nhọc, đình-trưởng được hưởng những quyền-lợi riêng như có quyền sai phái, trừng-trị dân đình trong vòng 10 dặm được quyền cấy ruộng công hay được lương bổng và vinh-ấm.

Muốn cho dân-gian yên tâm cày sâu, cuốc bẫm, Trần-Thủ-Độ sai đắp đê để ngăn ngừa nạn lụt. Công-cuộc này ngay từ đời Lý Nhân-Tông (1072-1127) đã thực hành và đê đầu tiên của nước Việt-nam là đê Cơ-xá (Hà-nội bây giờ), Nhưng đến đời Trần, vào năm mậu-thân (1244) Trần-Thủ-Độ đắp đê ở hai bên bờ sông Nhĩ-hà gọi là Đỉnh nhĩ đê và đặt ra chức « Hà đê quan » chuyên trông coi việc đê-điều.

***

Về thuế má, dân gian ai có 2 mẫu ruộng thì mỗi năm phải đóng 1 quan tiền, có ba, bốn mẫu thì đóng 2 quan, có 5 mẫu trở lên thì đóng 3 quan.

Tuy bận-rộn luôn luôn, nhưng không vì thế mà Trần-Thủ-Độ nhãng hẳn việc mở-mang văn học. Năm nhâm-thìn (1232), Trần-Thủ-Độ mở khoa thi Thái-học-sinh (tiến-sĩ) chia thứ bậc làm 3 giáp để định cao thấp. Năm đinh-vị (1247) lại đặt ra tam khôi : trạng-nguyên, bảng-nhỡn, thám hoa và cùng trong năm ấy, Trần-Thủ Độ mở khoa thi Tam giáo : Nho, Thích, Lão, ai hơn thì đỗ khoa giáp, ai kém đỗ khoa ất. Để đặc biệt chú ý đến những bậc anh-tài, Trần-Thủ-Độ lựa những nho-sinh giỏi văn tuyển vào làm việc ở những quán, các, sảnh, viện. Dưới chế-độ « trọng văn » những tay cự-phách trong làng « hàn mặc » đều được bổ dụng. Kế đó noi theo chức Hàn-lâm học sĩ đời Lý, Trần-Thủ-Độ đặt ra chức Hàn-lâm thừa-chỉ. Chức-trách này rất trọng, thường tuyển chức Thái-sư mật viện sung vào để kiêm chức nội mật-viện chuyên việc soạn chiếu thư Sau này, những bậc danh nho như Nguyễn-Trung-Ngạn, Trương-Hán-Siêu, Mạc-Đĩnh-Chi, Chu-Văn-An, Lê-Quát, Phạm-Sư-Mạnh v. v. đã kế tiếp nhau sung chức Hàn-lâm : phẩm-giá chốn ngọc đường thật là thịnh tuyển một thời.

Nhưng, trong trang văn-học-sử, Trần-Thủ-Độ tạo ra cho nước Việt-nam có việc soạn quốc-sử là đáng chú-ý hơn cả. Sau khoa thi đinh-vị (1247), Trần-Thủ-Độ cất bảng-nhỡn Lê-Văn-Hưu (quán ở huyện Đông-sơn, tỉnh Thanh-hóa) sung chức Hàn-lâm viện học-sĩ kiêm quốc-sử viện giám tu đứng chủ biên bộ Đại Việt sử-ký. Đó là một công cuộc tuy trùng-tu nhưng ở vào thời bấy giờ mọi việc còn bỡ ngỡ, tài liệu phải bới tìm nên chẳng sao tránh khỏi được nhiều nỗi chật-vật. Nhưng, sử gia Lê-Văn-Hưu đã thành công và ngày 15 tháng giêng năm nhâm-thân (1272) niên hiệu Thiệu-long thứ 15 đời Trần Thánh-Tông (1258-1278) đã viết xong 30 cuốn Đại việt sử ký chép từ đời Triệu Vũ-vương (207-137 tr. T. L.) đến đời Lý Chiêu-Hoàng (1225).

Nhưng, công-nghiệp vĩ-đại mà Trần-Thủ-Độ lưu lại cho hậu thế là việc tổ-chức nền binh-chế Việt-nam. Muốn kiểm-tra hộ số toàn quốc, Trần-Thủ-Độ đặt ra những sổ « trướng-tịch » chuyên ghi chép danh sách dân gian trong xã thôn từ quan văn, quan võ, tơ-lại, binh-lính, hoàng-nam, lung-lão, tàn-tật, người đến ngụ cư hay xiêu-lạc tới trong làng. Dân gian phân ra từng hạng, con trai từ 18 tuổi thuộc hàng tiểu hoàng nam, từ 20 tuổi thuộc hàng đại hoàng nam còn từ 60 tuổi trở lên thì vào lão hạng.

Việc binh-chế được chỉnh-đốn lại và công-cuộc quốc phòng được tổ-chức rất chu-đáo. Bao nhiêu dân tráng trong nước đều phải đi lính. Từ các thân vương đến các hoàng thân, quốc-thích ai nấy đều phải hiểu rõ việc dụng binh và có quyền mộ quân lính. Cho nên, có thể nói là suốt lịch-sử Việt-nam binh-lính nhà Trần tinh-nhuệ nhất và lúc quân Mông-cổ hai lần sang nước ta, Hưng-Đạo đại vương Trần Quốc-Tuấn mới có đủ 25 vạn quân tinh luyện chống nạn ngoại-xâm.

Lúc Trần Thủ-Độ đang ra công kiến-thiết lại nước Việt-nam thì nhà Tống (968-1278) bên Trung-hoa mất ngôi. Nhà Nguyên dấy nghiệp. Năm đinh-tị (1257) tướng Nguyên là Ngột-lương-hợp-Thai từ Vân-Nam đem quân sang địa-phận nước Việt-nam đoạn noi đường sông Thao (Hưng-hóa) xuống đánh Thăng-long. Trần Quốc-Tuấn vâng lệnh Trần Thái-Tông đem binh lên chống-giữ, nhưng ít quân phải lui về đóng tại Sơn-tây. Quân Mông-cổ tràn xuống sông Hồng-hà. Thái-Tông ngự giá thân-chinh, nhưng địch quân quá mạnh, ngài phải rời kinh-đô về đóng tại sông Thiên-mạc (thuộc huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên). Quân Mông-cổ vào Thăng long. Thấy tình-thế nguy-ngập quá, Thái-Tông ngự thuyền đến hỏi Thái úy Trần Nhật-Hiệu. Nhật-Hiệu không nói gì, chỉ cầm sào viết xuống nước 2 chữ « Nhập Tống ». Thái-Tông lại đến hỏi Thái-sư Trần-Thủ-Độ. Thủ-Độ cứng cỏi trả lời : « đầu tôi chưa rơi xuống đất thì xin bệ-hạ đừng lo ». Do đó, Thái-Tông quả-quyết tiến đánh Đông bộ-đầu (phía đông sông Nhĩ-hà ở hạt huyện Thượng-phúc). Quân Mông-cổ không quen thủy-thổ, mỏi-mệt lắm, phải rút về Vân-nam.

(Xem tiếp trang

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 7

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NGƯỜI Cao-miên không những biến-đổi văn-hóa Ấn-độ thành một văn-hóa riêng theo cái đặc-tính của mình, lại còn đem khai-hóa cho các nước khác nữa. Sau khi bị láng-giềng đến đánh, tàn-sát rất nhiều, lại bị các vua về thế-kỷ thứ 12 bắt xây nhiều đền-đài làm cho dân kiệt lực phải bỏ hết các công việc sáng-tác, rồi chăm chú vào cảnh điểm-tĩnh của đạo Phật Tích-lan (bouddhisme cingalais), hoặc xâu-xé nhau trong những cuộc nội-loạn. Lúc bấy giờ người Cao-miên mới đem chuyền đuốc văn-hóa Ấn-độ sang tay người Thái ở Mékong và Ménam.

Người Lào cũng như người Xiêm thuộc về giống Thái. Giống Thái ấy nay ở cả miền giữa Đông-dương từ phía đông Diến-điện cho đến thượng-du Bắc-kỳ, lan cả sang Tàu, vào tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và một phần Quí-châu.

Xét ra giống người Thái ở Đông dương bây giờ, là người Thái đến sau, có lẽ đi từ Vân-nam xuống.

Trước khi người Thái xuống miền nam, thì phía đông còn ở phạm vi nước Tàu. Nhưng cũng có lẽ có ít người theo đường bể từ Tàu sang Ấn-độ, đi qua Vân-nam và Assam tiếp-xúc với Ấn-độ lâu, nhưng tiếp-xúc từng hồi thôi, chứ không phải liên tiếp. Xem những bức tranh chạm trên tường đá Angkor Vat, những người Xiêm thuộc về thần-phục nước Cao-miên (thế-kỷ thứ 12), trông hệt như những dân miền núi thượng Lào và mạn-ngược Bắc-kỳ.

Ở phía tây, thì người Thái tiếp xúc với người Môn. Có lẽ nhờ có người Môn mà người Thái mới theo đạo Phật ở Tích-lan; luật-lệ thì phần nhiều bắt-chước người Môn. Người Thái ở lưu-vực sông Ménam đầu tiên phải dưới quyền nước Cao-miên (thế-kỷ thứ 11) rồi không bao lâu đồng-hóa với người Cao-miên. Đến cuối thế-kỷ thứ 13, các vương-hầu Xiêm ở Sukhothai thoát ách Cao-miên, nhưng cũng đã tiêm-nhiễm cái văn-hóa Ấn-độ của Cao-miên sâu lắm rồi.

***

Người Lào ở lưu-vực sông Mékong cũng ở lâu dưới quyền nước Cao-miên. Vào cuối thế kỷ thứ 12, bờ cõi Cao-miên lên đến tận Vieng Chan (Vientiane) bây giờ, hiện còn những vết-tích đền-đài ở Mường Luống (Luang Prabang). Cách một thế-kỷ, vua Xiêm ở Sukhothai thoát quyền vua Cao-miên; không những thế, lại chiếm cả quyền bá-chủ của Cao-miên đến tận Mékong

Vào giữa thế-kỷ thứ 14, vua tự-chủ thứ nhất của nước Lào là Fa Ngum, phò mã vua Cao-miên Fa Ngum dựng nước Mường Luống (Luang Prabang), mời sư Cao-miên lên thuyết pháp. Đến thế-kỷ thứ 15, Mường Luống phải chịu quyền thống-trị của vua ta trong ít lâu Đến thế-kỷ thứ 16, bị người Diến-điện sang xâm-lấn (năm 1556, 1563, 1571) cũng như các nước người Thái ở phía tây; rồi người Diến-điện đem kinh-đô Lào xuống Vieng Chan. Đến thế-kỷ thứ 18, nước Lào chia làm đôi, là nước Mường Luống với nước Vieng Chan, thành một cái mồi cho nước Nam và nước Xiêm, kết-cục nước Xiêm được và giữ quyền cai-trị nước Lào đến tận lúc nước Pháp can-thiệp tới.

Mường Luống cũng như các nước Lào khác, vì địa-thế, cho nên thế nào cũng phải thuộc quyền các nước xung quanh, là nước Nam, Cao-miên, Xiêm và Diến-điện.

Văn-hóa nước ta tức là văn-hóa Tàu, không có ảnh-hưởng một tý, gì đến những chỗ bây giờ là đất Lào chỉ ảnh-hưởng đến người Thái (tức người Thổ) ở mạn ngược Bắc-kỳ mà thôi Dẫy núi Trường-kỳ là một thứ bình-phong chắn ngang để làm giới-hạn cho văn-hóa Ấn-độ và Trung-hoa.

Theo văn-hóa Ấn-độ là nước Cao-miên, Xiêm và Diến-điện: ba nước ấy đã đào-tạo cho nước Lào thành một văn-hóa riêng; Vieng Chan và giọc sông Mékong thì chịu ảnh-hưởng của Cao-miên và Xiêm; còn Mường Luống thì chịu ảnh-hưởng của Diến-điện; nhưng đều là theo Ấn-độ về tôn giáo, chế-độ, mỹ-thuật và văn-chương. Đối với nước Tàu và nước Nam thì nước Lào có thể ví như một cái đồn đóng ở biên-giới để bảo-thủ cho văn-hóa Ấn-độ ở Đông-dương.

***

Thế là có hai trào-lưu ở ngoài đem đến mà sản-xuất ra, một đằng là văn-hóa Việt-Nam, một đằng là văn-hóa Chiêm-thành, Cao-

miên và Lào, hai đàng gặp nhau ở Đông-dương, nhưng mà khôgg có dung-hòa với nhau. Ấn độ với Trung-hoa đời xưa, tuy có giống nhau về một vài việc, nhưng khác với Âu-châu ; đến khi mang văn hóa sang Đông-dương thì đã khác nhau hẳn ; kể ra sang Đông-dương cũng đã muộn, nên mới sinh ra hai nền văn-hóa khác nhau, là văn-hóa Ấn-độ và văn-hóa Trung-hoa. Thấy khác nhau như thế, ai cũng phải ngạc-nhiên. Có lẽ vì hai nước đi khai-thác khác nhau : người Tàu thì chuyên về mặt chinh-phục và thôn-tính, quân Tàu đi đến đâu đóng luôn ở đấy, còn quan Tàu thì đem văn-hóa làm cho lan khắp ra, thấm sâu vào xã-hội Việt-Nam

Người Ấn-độ thì không thế, không phải đem binh-lính đi sáp-nhập đâu cả, hình như không phải dùng đến võ lực mà người ta tự-nhiên theo : những nước lập lên ở Đông-dương trong mấy thế-kỷ đầu, chỉ liên-lạc với các triều vua bên Ấn-độ bằng lối khẩu-truyền, chứ không thuộc về chính-trị : hai bên bờ vịnh Bengale (Mạnh-gia-lạp) chao đổi sứ thần một cách bằng đẳng, không nước nào phải khuất-phục nước nào cả.

Chứ như nước Tàu bắt các nước phía nam phải làm bồi thần theo lệ cống-hiến, các quân huyện ở phía bắc Đông-dương thì có những quan Tàu cai-trị. Còn như các nước Ấn-độ ở Đông-dương thì quyền cai-trị đã có những ông vua độc-lập tự trị lấy ; những vua ấy là người bản-xứ hay người lai Ấn-độ có những quần thần giúp việc là người Ấn độ hoặc người đã nhiễm văn-hóa Ấn-độ.

Cái kết-quả của người Tàu là sự bành-chướng về binh-lực. Nói cho rõ hơn, là người Tàu có đem quân đi xâm-chiếm đến xứ nào, thì xứ ấy mới chịu theo văn-hóa của Tàu. Ở trên bờ biển phía đông Đông-dương, văn-hóa Tàu không lan rộng ra quá địa-giới của Mã-Viện khi xưa (năm 43 sau Thiên-Chúa). Rồi về sau mới lan rộng về phía nam đến tận miền trung-châu sông Cửu-long, nhưng cũng phải đi chinh-phục, nghĩa là người Việt-Nam kế-tiếp văn-hóa Tàu cũng phải đi xâm-chiếm. Khác hẳn người Ấn-độ đối với man Nam-dương cứ tiến một cách thái-bình yên-ổn : ngay lúc vượt bể sang đến nơi, văn-hóa Ấn-độ đã bắt đầu lan rộng khắp các chỗ ngõ hẹp hang cùng, không sót một chỗ nào.

Còn chỗ quân Tàu đến xâm-chiếm, thì những chế độ, phong-tục, tôn-giáo, ngôn-ngữ và tự-thể, hết thảy phải theo Tàu hay là bắt-chước Tàu một cách nô-lệ.

Nội những nước mà Ấn-độ đến chiếm bằng cái uy-thế văn-hóa, thì nước nào cũng giữ được cái đặc-tính của nước ấy, chỉ nhờ cái văn-hóa cao qui của Ấn-độ mà phát-triển ra. Vì thế mà văn-hóa Cao-miên, Chiêm-thành, Chà-và, tuy gốc ở Ấn-độ, mà mỗi văn-hóa một khác, mỗi văn-hóa có một vẻ riêng.

Nói tóm lại, về phương diện nhân-chủng, xã hội, ngôn-ngữ thì ở Đông-dương rất là phức-tạp : có lẽ ở trên địa-cầu, không có xứ nào có một cái diện-tích như thế, mà lại nhiều giống người, nhiều tiếng nói, nhiều tôn-giáo như Đông-dương. Trước khi người Âu-châu sang đây, cả hai cái văn-hóa Ấn-độ Trung-hoa, còn tranh-dành nhau sau chia nhau mỗi nước một địa-phận.

Có người bảo hai cái văn-hóa ấy khác nhau xa lắm ; họ đem cái văn-hóa Ấn-độ ra nói rằng có tương-tự với văn-hóa Âu-châu. Cứ thực ra thì hai cái văn-hóa Ấn-độ và Trung hoa chỉ khác nhau về hình-thức mà thôi : Ấn độ với Trung-hoa có nhiều cái tín ngưỡng gốc từ đời tiền-sử ; còn như Tàu thì mượn của Âu châu nhiều thứ lắm : điều đó xưa nay không ai ngờ.

Thế cho nên có thể hy-vọng rằng : hiện nay ở Đông-dương, một bên là người bản-xứ, một bên là người Pháp, hai bên cùng cố gắng dựng lên một nền văn-minh mới, trong, có đủ cả các phần tử của văn-hóa Đông-dương và lại có cả cái chủ-nghĩa nhân-bản của văn-hóa Pháp nữa (Lược dịch bài G. Cœdès, *Les Civilisations de l'Indochine*, theo bản thảo của tác-giả).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thống chế Pétain đã nói :

« Học sinh cần phải luyện tập thân thể cho tráng kiện để bây giờ đủ sức học hành, mai hậu đủ sức tham dự vào việc cải tạo quốc gia ».

Sách giá trị

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN VĂN HÙM

Giá 2$80

THI HÀO TAGORE

của NGUYỄN VĂN HAI

Giá 4$80

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLOT — Hanoi

NAM ĐÀN BÁT CHÂU TỤC THẢO

(Lối thơ tân thành lập)

Tác giả : TÙNG-VÂN ĐẠO-NHÂN

XXX

Nam-phong biên-tập bộ kỷ-niệm thi

(Thơ-soạn)

Báo Nam-phong, buổi thanh-hoàng hiện thế,
Hán-tự còn, mà ấu-trĩ Quốc-âm.
Năm giây một phổ đồng-tâm ;
Đông, Tây nhịp mẫu, cổ, câm (kim) khúc vàng.
Tơ quốc-túy, đốt hương so phiếm trước,
Kho danh-sơn, ghi diệu đợi người sau.
« Huyền thanh dương-dật phương cầu ; »
Rằng năm Khải-định phụng câu ngự-đề.

Chú-thích

Thanh hoàng : Lúa xanh là lúa mới thì còn non, lúa vàng là lúa cũ đã gần hết. Câu rằng : « Thanh hoàng vị tiếp », tức là thời-kỳ giáp hạt khoảng tháng tám tháng chín. Lúa vàng ví Hán-tự, lúa xanh ví Quốc-âm

Hiện-thế : Hiện ra cõi đời.

Năm giây : Bắc-sử : « Ông Đại-Thuấn đàn ngũ huyền cầm, ca nam-phong thi.»

Đông, Tây : Đông, Tây học-thuyết.

Cổ câm : Cổ câm thư-tịch.

Tơ phiếm : Truyện Kiều : « Đốt lư hương ấy so tơ phiếm này.»

Danh sơn : Chỗ sách-vở bảo-tàng. Văn Tư-Mã-Thiên : « Tàng chi danh sơn, dĩ đãi kỳ nhân.»

Phụ-lục các nhân viên trong biên-tập-bộ :

Việt-văn chủ-bút thì ông Phạm-Quỳnh, tự Thượng-Chi, người Hải-dương. Hán-văn chủ-bút thì ông Nguyễn-Bá-Trác, tự Tiêu-Đầu, người Quảng-nam. Sau khi ông Tiêu-Đầu vào Kinh, thì ông Thượng-Chi kiêm cả Việt-Hán chủ-bút. Việt-văn trợ-bút thì ông Dương-Bá-Trạc, hiệu Tuyết-Huy, người Hưng-yên, ông Nguyễn-Hữu-Tiến, hiệu Đông-Châu, người Hà-đông. Hán-văn trợ-bút thì ông Lê-Dư, tự [illegible]-Cuồng người Quảng-nam. Lạm dự trong ghế [illegible]ạn mà cũng trợ-bút về Việt-văn thì tức là Tùng-[illegible]a đạo-nhân Nguyễn-Đôn-Phục, người Hà-đông. [illegible]oài ra cũng còn có nhiều người trực-tiếp hoặc gián-tiếp trợ-bút Nam-phong giúp ích được phần nhiều. Những ngài từng xem Nam-phong chắc đã hiểu rõ, chứ ở đây không kể được xiết. Nam-phong hiện ra đời về khoảng niên-hiệu Khải-Định và niên-hiệu Bảo-Đại một thời-kỳ mười lăm năm, kể là đã có ngày tháng, đã có thành-tích. Còn như thời-đại, tâm-sự, chủ-nghĩa, mục-đích, vinh-ngộ của Nam-phong thế nào, thì xin lãm-giả sau này cứ xem ở trong bài thơ cũng đủ hiểu rõ.

XXXI

Phú đắc « Đông-bích giữ lề dăm đụn sách »

(Thơ soạn)

Kho Đông-bích, đã mập mờ nét chữ ;
Giấy rách du ! Ta kíp giữ lấy lề.
Chữ « trung » chữ « hiếu » còn kia,
Chữ « liêm » chữ « sỉ », nghĩa « tề » nghĩa « tu ».
Sao Dực, Chẩn nhận thiên thu cõi Việt,
Mực Trần, Lê in vạn thế khuôn Nho.
Văn-chương ta xếp từng bồ ;
Lề cũ chẳng đứt tha hồ văn-chương.

Chú-thích

Phú đắc : Một phép đặt đầu bài trong cõi thơ, dùng một câu cổ-thi hay là một câu thơ đã biên-tập thành số để làm đầu bài, gọi là thể « Phú đắc ». (Đầu bài này nguyên là câu thứ năm trong bài Tự-thuật thứ hai, số 29 trích ra.)

Đông-bích : Một ngôi sao trong nhị thập bát tú. [illegible]huyết Thiên-văn cổ : « Sao Đông-bích chủ-trương [illegible]ề kho sách-vở trong thiên hạ ». Đường thi : « Đông-bích đồ-thư phủ.» Đông-bích tức là cái danh [illegible]ừ gọi chung kho sách-vở, chớ hiểu lầm là vách đông.

Dực, Chẩn : Hai vị sao trong nhị thập bát tú. Thuyết Thiên-văn cổ : « Cõi đất Bách-Việt thuộc về phận sao Dực, sao Chẩn.» Cho nên người nước ta thường [illegible]ó câu : « Dực, Chẩn sơn-hà » để trỏ về tinh [illegible]ất cõi Việt-Thơ, cụ Hoàng-Thái-Xuyên tặng các [illegible]ân-sĩ [illegible]úng cử khoa Tân-mão : « Dực, Chẩn thiên thu [illegible]ại, văn-chương vạn cổ tồn.»

(sẽ tiếp)

Hà-đông HI-ÁN-THỊ

DIỄM ẢNH CHIỀU HÈ

Bút se dần ngọn thỏ,
Nghiên cạn dần nước son.
Cánh song tre bỏ ngỏ,
Cành tre lặng gió buồn.

Bên song anh học trò,
Nheo mắt, vì nắng to,
Nhìn sang bờ giếng nọ
Trong ngõ rợp quanh co.

Kìa cô gái đông-lân,
Cánh tay da trắng ngần,
Lưng ong mềm uốn-éo,
Tay kéo nước lên dần.

Giọt nước trong xanh lạ,
Óng ánh như hạt châu.
— Giá ai kia cuộn lá
Hứng hạt ngọc cho nhau !

Rồi hãy gánh qua cầu...
Nước ngọc hôn tay ngọc,
Vương ngát mùi hoa cau.
— Hương lòng vương mấy chốc.

Buồn xem lời cổ văn :
« Thư trung hữu ngọc-nhân ».
Người ngọc đâu trong sách,
Người qua có một lần.

Một lần qua bóng nắng,
Rồi hoàng hôn xóa dần.
Bờ ao vang tiếng quốc,
Lòng nho-sĩ băn-khoăn

« Thiếu tiểu tu cần học »...
Chim réo đọc trên cành.
Làm giai tu chi cả,
Nghe chim nhắc rật mình.

Nhà thanh đòi mái rạ,
Mơ giấc mộng cao-đình.
Mẹ già mong tựa cửa,
Mơ thủa hiển thanh-danh.

Ra-rả thâu trường dạ,
Quyên giục-giã bên thành...
Hờ hững lòng thư-sinh,
Cho gió thoảng hương tình...

Khuya lắm cô thôn nữ
Còn nghe vẳng đêm thanh
Tiếng ngâm thơ đọc sách,
Mường-tượng khách chung tình.

Khuya lắm cô chưa ngủ,
Còn đu chiếc võng đay.....

Mơ ngày đeo yếm thắm,
Gót ngọc xỏ văn hài ;
Mơ ngày muôn kẻ ngắm
Võng mình theo kiệu ai...

Du-dưa chân rún rẩy,
Mơ hoài, mơ thật sày...
Rồi... êm êm tiếng ngáy,
Nhịp võng ngân thêm dài.

NGUYỄN DAN-TÂM

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 1

MINH-TUYỀN

I

Còn phơ lục tâm thần như trống rỗng,
Một mình ta, trơ-trọi giữa đêm khuya,
Ráo chân bước vu-vơ nơi đồng rộng,
Mảnh không-gian đen-đặc chứa ly-kỳ.
Chẳng một tiếng dế kêu trong khóm cỏ,
Tiếng ve than, ren-rỉ với cảnh sương,
Tiếng ran thở phì-phào trong cỗ-mộ,
Tiếng sạt ào lau-lách mé Tô-giang!
Thôn-dã ngủ, say mê, không chó sủa,
Nước sông trôi, lặng-lẽ bởi vì đâu?
Cây im tiếng, dứt tình vương-vít gió,
Khoảng mông lung chan-chứa biết bao sầu?
Ta muốn gặp yêu-tinh hay quỉ-sứ,
Hay ma chơi cùng thánh chúa hiêng-liêng.
Ta muốn gặp oan-hồn cô thiếu-nữ,
Xót-xa thân, ngồi gỡ mối tơ-duyên.
Ta muốn gặp đấng anh-hùng muôn thủa
Đã bao phen vùng-vẫy chốn trần-ai.
Ta muốn gặp tất cả người thiên-cổ,
Để cho ta chuyện vãn một đôi lời,
Để ta hỏi: « Dương-gian và địa-phủ
Có những gì khác lạ đáng ghi chung?
Và kẻ chết, hóa thân cho cây cỏ,
Đến nay còn lưu-luyến kiếp người không »?

II

Tình quá như địa-cầu thôi vận-chuyển,
Như muôn loài tiêu-diệt với muôn năm,
Như mất tích bóng dương vào vĩnh-viễn,
Như trăng sao tan-biến để âm-thầm!
Tối-tăm quá! Ta ngờ ta độn-thổ,
Mà trên đầu vực nước Thái-bình-Dương,
Hay rẫy Hy-Mã-Lạp-Sơn bất hủ.
Ta ngờ ta lạc tới xứ Diêm-Vương,
Và đã bỏ Nhân-loại đương chinh-chiến,
Giấn thân vào cõi chết khỏi ưu-tư.
Ta dừng bước, phóng xa tầm nhỡn-tuyến,
Và buồn than: « Sao sáng mọc đâu chưa? »,
Sao cứu-thế mà người đời ao-ước,
Chiếu hào-quang rực-rỡ khoảng đêm trường,
Tỏa những ánh thiêng-liêng soi non nước,
Để muôn dân biết đích tiến trên đường,
Sao hướng dẫn loài người lên cõi sáng,
Chốn cao-siêu, lộng-lẫy, thoảng hương sen,
Nơi tranh-đấu, nhưng thái-bình vô-hạn,
Lấy từ-tâm trí rộng để phân quyền.

III

Đêm tĩnh quá! Hồn mơ xông bóng tối,
Biến nhập vào khối mực rỗng vô-biên.
Ý-thức lấy ra những tia chói-lọi
Và dắt-dìu lý-trí loạn như điên.
Ta quan niệm mòng-mênh bầu vũ-trụ
Như bao-la mạng nhện rất mong-manh
Tự xoay tít chung quanh đường kính giữa,
Điểm chung-tâm là nhân-não thông-minh.
Bao nhiêu bán-kính đều trục-xe cả,
Có vô-ngần bánh chuyển máy huyền-vi.
Người từ nhân-não tiến đi muôn ngả,
Cứ lần theo những bán-kính mà đi.
Rồi trở lại, noi theo đường bán-kính,
Để quay về trí-tuệ, khối chung-tâm.
Đi lại thế, khôn ngừng trong động tĩnh,
Là cuộc đời Nhân-Loại với muôn năm,
Cuộc phóng-đại bản-năng cùng trí-lự,
Theo thời-gian mà chiếm cả không-gian,
Cuộc chinh-phục gay-go lấy vũ-trụ
Ở tay Trời vô-thượng, tôi nguy-nan.

(*Còn nữa*)

M. T.

Đại-Nam dật-sự

(Tiếp theo trang 5)

người giỏi đi, vài người cũng đủ; đem người võ-dũng đi, 2.000 không làm gì! », từ chối không nhận. Vua Hán bèn bãi chức của Trang-Sâm.

Tướng cũ ở Tề-bắc là Hàn Thiên-Thu, hăm-hở tâu rằng: « Một nước Việt con con như thế, lại có vua và thái-hậu làm nội ứng; chỉ có một mình thừa-tướng là Lữ-Gia ngang-trái: tôi xin đem 300 dũng-sĩ, thế nào cũng lấy được đầu Lữ-Gia để báo ơn.» Vua Hán mới sai Hàn Thiên-Thu cùng với em Cù-hậu là Cù-Nhạc (hoặc Lạc) đem 2.000 người vào cõi nước ta.

Lữ-Gia bèn hạ lệnh rằng: « Vua còn nhỏ, thái-hậu vốn người Tàu, lại cùng với sứ Tàu tư-thông, chỉ muốn nội-thuộc với Tàu, đem hết của báu của tiên vương dâng cho nhà Hán để nịnh-hót. Nhiều người Nam đi theo đến Tràng-an bị bán làm đầy-tớ cho quân giặc. Chỉ lấy cái lợi một lúc, không đoái đến xã-tắc họ Triệu, không có lo xa muôn đời!» Rồi cùng với em đem quân đánh giết Ai-vương và Cù-hậu, giết hết sứ-giả nhà Hán, sai người báo tin cho Tần-vương ở Thương-ngô và các quận ấp, lập con trưởng của Triệu Minh-vương là Kiến-đức Vệ-dương-hầu lên làm vua, tức là Vệ-dương-vương, con người vợ Nam-Việt (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 1, tờ 31 a-32 b và *Đại-Việt sử-ký*, toàn-thư và tiền-biên quyển 2, tờ 15)

Năm canh-ngọ (111 trước Thiên-Chúa), khi Lữ-Gia đã lập Kiến-đức lên làm vua, thì quân của Hàn Thiên-Thu đã vào cõi, đánh phá các ấp nhỏ. Lữ-Gia bèn mở đường mang lương ăn, cách Phiên-ngung 40 dặm (kinh-đô của họ Triệu, bây giờ thuộc Quảng-đông), đem quân đón đánh Hàn Thiên-Thu, giết được, sai người đóng hòm, gói cờ sứ-tiết nhà Hán, đưa về cửa ải, khéo nói để tạ tội, rồi đem quân giữ nơi hiểm-yếu. Vua nhà Hán nghe tiếng, sai phục-ba tướng-quân là Lỗ-bác. Đức đem quân ra Quế-dương xuống Hoàng-thủy (theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* quyển 2, tờ 15 b, thì là Nhạn-thủy), lâu-thuyền tướng-quân là Dương-Bộc đem quân ra Dự-chương xuống Hoành-bồ, qua-thuyền tướng-quân là Nghiêm và hạ lại tướng quân là Giáp ra Linh-lang, xuống Li-thủy, đến Thương-ngô, Tri-Nghĩa-hầu là Quí lấy quân Dạ-lang xuống sông Tường-kha, đều họp ở Phiên-ngung (chép theo *Đại-Việt sử ký*, toàn thư và tiền-biên, q. 2, tờ 15).

Lúc bấy giờ Tri-nghĩa-hầu lấy quân Nam-di sang đánh. Lan Quân sợ Vua Tàu bắt người già yếu đi xa sang nước láng giềng (tức nước Nam), bèn làm phản, giết sứ nhà Hán. Nhà Hán mới lấy người tội-nhân ở Ba-thục sang đánh Nam-Việt, cho tám chức hiệu-úy đem quân đi (chép theo *Đại-Việt sử ký* tiền biên quyển 2, tờ 15 b).

Mùa đông năm canh-ngọ (111 trước Thiên-Chúa) Dương-Bộc đem 9.000 tinh-binh sang Nam-Việt trước hết hãm đường Tầm-thiếp (thuộc Quảng-đông), phá bến đò của Lữ-Gia, cướp được thuyền thóc của Nam Việt, rồi buộc thuyền thóc lại, đem quân đi trước, để nén mũi nhọn của đất Việt, bắt vài vạn người ở đấy, đợi Bác-Đức.

Bác-Đức đem bọn tội-nhân ở Ba-thục hơn nghìn người; vì đường xa cho nên đến sau, với Dương-Bộc, rồi cùng tiến.

Dương Bộc đến Phiên-ngung trước. Vua Kiến-đức cùng Lữ-Gia giữ thành. Dương Bộc chọn-mặt đông-nam cho là tiện-lợi, còn Bác-Đức đóng ở mặt tây-Bắc. Lúc bấy giờ Giời đã tối. Bộc đánh quân Nam-Việt, phá được, thả lửa đốt thành. Trong thành vốn nghe tiếng Bác Đức, nhưng giời tối, chẳng biết quân nhiều ít thế nào, Bác-Đức mới dựng đồn trại, sai sứ chiêu hàng, ai rời này hàng, thì cho ấn tín, lại thả về cho chiêu người khác.

Dương Bộc gia sức đánh, đuổi người vào trong trại Bác-Đức. Sáng hôm sau trong thành đều hàng kiến đức và Lư Gia cùng vài trăm người đêm chạy ra bể, xuống thuyền đi về phía tây. Bác-Đức dò hỏi quân đến hàng, biết chỗ Lữ-Gia, sai người đuổi theo. Hiệu-úy tư mã tên là Tô Hoằng bắt được vua Kiến-đức Việt lang Đô Kê bắt được Lư Gia

Thương-ngô-vương là Triệu Quang cùng họ với vua Nam-Việt, nghe quân Hán đến bèn xin hàng. Quan giám ở Quế làm tên là Cư-Ông chiêu dụ người Âu-lạc, cũng hàng cả. Lúc bấy giờ quân của hạ-lại qua-thuyền và quân Dạ-lang của Tri-nghĩa-hầu, chưa tới nơi, mà nước Nam Việt đã bị Bác-Đức và Dương-Bộc lấy mất rồi. Hai quan sứ trong nước đem một trăm con trâu, một nghìn hũ rượu, và sổ hộ-tịch hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân đón để xin hàng. Bác-Đức cho hai quan sứ ấy làm chức thái-thú quận Giao-chỉ và Cửu-chân, thống chị dân như cũ. Thế là nước Nam-Việt thuộc về Hán! (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 2, tờ 1 a-2 b).

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-[illegible]

Vấn-đề « HỌC »

NHỮNG LÝ-DO CỦA MỘT CHƯƠNG-TRÌNH

NGUYỄN NHÂN

LUÔN trong 4 số Tri-Tân (97-98-101-102), tôi vừa khảo-sát về sự tổ-chức tiểu-học, cao-đẳng tiểu-học và trung-học Đông-dương, vừa trình-bầy một chương-trình cải-cách.

Tôi xin tóm tắt sau đây tất cả cái chương-trình đó.

Tiểu-học

1·) Có 5 nam chính thức và 2 nam dự-bị pháp-van ;

2·) Trong 5 năm, từ đồng-ấu đến cao-đẳng, không kể môn quốc-văn, tất cả những kiến-văn phổ-thông như luân-lý, sử-ký, địa-dư, cách-trí, toán-pháp, vệ-sinh, đều học bằng quốc-ngữ hết ;

3·) Trong 3 lớp sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng, có học pháp-văn, học như học một sinh-ngữ, bằng những bài tập-đọc, ám-tả, luận-van, tập-dịch ;

4·) Hết 5 năm, thi tiểu-học toàn quốc-van, có thêm những bài thi pháp-van không bó buộc (épreuves facultatives), ai đỗ những bài phụ ấy thì trên văn-bằng tiểu-học chua thêm mấy chữ « mention de Français » ;

5· Đỗ tiểu-học mà có cả phần phap-van thì mới được học 2 năm dự-bị pháp-văn, đặt ngay trong trường tiểu-học ;

6·) Trường nào chỉ có 3 lớp đồng ấu, dự-bị, sơ-đẳng, gọi là trường sơ-học và hết lớp sơ-đẳng phải thi lấy bằng sơ-học ; nhưng ở trường tiểu-học, học-sinh sơ-đẳng cũng có thể thi sơ-học mà nếu thi không đỗ, cũng có thể lên lớp trung-đẳng thường.

Cao-đẳng tiểu-học

1·) Chỉ học có 3 năm thôi ;

2·) Phải đỗ tiểu-học từ 2 nam trước mới được thi vào C. Đ. T. H. ;

3·) C. Đ. T H. có mục-đích là ban-bố một học-thức phổ-thông cho những người sẽ phải tìm kế sinh-nhai sau 3 năm học hay sẽ vào các trường chuyên-môn về kỹ-nghệ, thương-mại, v.v .. ;

4·) Vì thế, chương-trình học rút nhẹ hẳn đi ;

5·) Muốn học đến tận bằng tú-tài thì vào thẳng trung-học, chứ không nên chạy qua cao-đẳng tiểu-học.

Trung-học

1·) Phải đỗ tiểu-học từ 2 năm trước mới được thi vào trung-học ;

2·) Đỗ vào học rồi phải qua một năm ở lớp dự-bị để luyện thêm pháp-văn rồi mới lên lớp 6 ;

3·) Có đủ 2 ngành : cận-đại (học anh-văn) và cổ-điển Á-đông (học hán-văn) ;

4·) Từ lớp 6 trở lên theo đúng chương-trình của người Pháp, có thêm những giờ quốc-văn, quốc-sử và địa-dư bản-xứ.

***

Tôi tin rằng sau 5 năm tiểu-học đổi mới như thế, người dân Việt-nam đã có một học-thức phổ-thông chắc-chắn, mà về môn pháp-van, chẳng giỏi gì họ cũng đủ chữ nói được, viết được, cho người Pháp hiểu họ : thế là tiểu-học đã đạt được mục-đích của nó.

Tại sao tôi không đem 2 năm dự-bị pháp-văn chắp vào 3 năm cao-đẳng tiểu-học hay 8 năm trung-học, để học-sinh có thể thi ngay vào các trường công sau khi mới đỗ tiểu-học xong ?

Trước hết là vì mục-đích « truyền-bá pháp-văn » : một đằng đặt những lớp dự-bị pháp-văn ấy trong một trăm trường tiểu-học, một đằng ghép nó vào một trường cao-đẳng tiểu-học hay trung-học, đằng nào lợi cho sự truyền-bá tiếng Pháp ?

Thứ đến chuyện « tiền » : hai năm dự-bị pháp-văn đặt ngay trong trường tiểu-học, học không mất tiền ; nếu đem nó vào trường cao-đẳng tiểu-học hay trung-học, người ta sẽ không ngần ngại gì mà bắt học-sinh phải trả tiền học.

Bản chương-trình tôi phác-họa ra trên đây là cốt để ứng-dụng trong trường công. Vì chỗ ngồi trong trường công có hạn, nên mới có những điều-kiện bó buộc để vào lớp dự-bị pháp-văn, vào cao-đẳng tiểu-học hay trung-học.

Nếu đỗ tiểu-học có cả phần pháp-văn, học-sinh được nhận ngay vào lớp dự-bị pháp-văn trường công, học không mất tiền. Không có phần pháp-văn thì học tư hay học lấy. Rồi hai năm sau, họ sẽ có dịp gặp nhau trong những kỳ thi vào C. Đ. T. H. hay trung-học trường công. Muốn thi chỉ phải đưa trình bằng tiểu-học đỗ từ 2 năm trước có hay không có phần pháp-văn cũng được.

Lúc thi C. Đ. T. H., học-sinh trường công chỉ phải trình học

bạ đủ 3 năm C. Đ. T. H., không cần đưa trình bằng tiểu-học, vì lẽ phải có bằng ấy rồi mới được thi vào học.

Còn học-sinh trường tư, muốn thi C. Đ. T. H. phải :

1·) Đưa trình bằng tiểu-học, đỗ từ 5 năm trước, có hay không có phần pháp-văn cũng được ;

2·) Đưa trình học-bạ đủ 3 năm C. Đ. T. H.

Theo chương-trình bầy tỏ trên kia, tôi vừa muốn có một ngành trung-học cận đại đầy đủ như của người Pháp, vừa muốn có một ban cao-đẳng tiểu-học rút xuống 3 năm.

Có người sẽ hỏi : Người Pháp đã đổi cao-đẳng tiểu-học của họ thành bậc nhất trung-học cận-đại, sao ta không làm thế ?

Trong bài : « Tại sao bậc C. Đ. T. H. Pháp không còn nữa ? » (Tri-Tân số 66), tôi đã giảng nghĩa vì đâu có sự cải-cách ấy.

C. Đ. T. H. Pháp xưa kia nguyên có hai mục-đích : mở mang học-thức phổ-thông (culture générale) và dạy học-sinh những điều cần biết cho nghề-nghiệp họ sau này (formation professionnelle). Vì thế C. Đ. T. H. Pháp mới chia ra nhiều ban học : ban thương-mại, ban kỹ-nghệ ban canh-nông và một ban chẳng chuyên về mặt gì cả, mệnh-danh là ban « phổ-thông » (section générale). Lâu dần, ban phổ-thông choán hết nền cao đẳng tiểu-học. Lâu dần, chương-trình C. Đ. T. H. ngả hẳn về mặt phổ-thông, sao nhãng hẳn mặt chuyên-nghiệp. Rồi đến nghị định 11 Avril 1938 của bộ giáo-dục Pháp, thì 4 năm C. Đ. T. H. theo đúng chương-trình 4 năm bậc nhất trung-học cận-đại. Như thế thì bây giờ người ta có tuyên-bố đổi bậc C. Đ. T. H. thành bậc nhất trung-học cận-đại, là chỉ để kết-thúc một tình-thế hiển-nhiên thôi, chứ không có gì mới lạ hết.

Ta phải tránh đừng để C. Đ. T. H. của ta chịu chung số-phận với C. Đ. T. H. Pháp.

Như tôi đã nói, C. Đ. T. H. mới của ta, rút xuống 3 năm, không phải để cho những người có ý học đến tận bằng tú-tài ; muốn thế thì vào thẳng trung-học để học anh-văn hay hán-văn từ lớp 6.

Ta phải ấn-định cho C. Đ. T. H. mới của ta một công-dụng, một chương trình khác hẳn bậc nhất trung-học.

Công dụng ấy là ban-bố một học-thức phổ-thông bằng Pháp văn, cao hơn trình-độ tiểu-học một bậc, cho những người sẽ phải tìm kế sinh-nhai sau 3 năm học, hay sẽ vào các trường chuyên-môn về thương-mại, kỹ-nghệ, v. v... Phần đông gia-đình Việt-nam không thể cáng-đáng học-phí trong tám chín năm ở trung-học cho con em được. Một nền C. Đ. T. H. trọn vẹn trong 3 năm rất hợp thời đối với những người này.

Vì công-dụng ấy mà C. Đ. T. H. mới phải có một chương-trình tự nó trọn vẹn trong 3 năm : chương trình ấy nhất định không thể giống chương-trình bậc nhất trung-học cận đại được.

Ta đã có một ngành trung-học cổ-điển Á-đông. Tôi muốn có một ngành trung-học cận-đại đầy đủ như của người Pháp. Và ta phải nhớ rằng, một khi trung-học của ta đã rập theo kiểu-mẫu trung-học Pháp để đi đến cái bằng tú-tài tây, thì, ngoài sự lấy hán-văn thay cho *latin - grec*, ngoài sự đặt thêm những giờ quốc-văn, quốc-sử, địa-dư bản - xứ, ta phải nhất nhất theo đúng chương-trình trung-học Pháp,

Trong Tri-Tân số 102, tôi đã nói rõ về sự xếp-đặt những giờ quốc-văn quốc - sử và địa - dư bản - xứ trong chương - trình trung - học, xin miễn nhắc lại một lần nữa.

Ở đây, tôi chỉ muốn dẫn ra những chứng-cớ tỏ rằng chương-trình C. Đ. T. H. không thể giống chương-trình bậc nhất trung học được, và nó đã không giống nhau thì không thể lấy cái này thế cho cái kia được :

1·) Về khoa pháp-văn, C. Đ. T. H. hiện - thời cũng như bậc nhất trung-học bắt đọc một số rất nhiều tác-phẩm văn - chương, mỗi năm có đến bầy tám quyển. Cái đó rất lợi cho những người sau này sẽ học đến bằng tú-tài. Còn đối với những người sẽ từ-giã học-đường sau 3 năm học, thì chỉ nên chú-trọng về tiếng Pháp (langue française) ; còn văn-chương Pháp (littérature française) có thể sơ lược đi được : mỗi lớp chỉ một quyển « văn-tuyển » (morceaux choisis) là đủ rồi.

2·) Vào trung-học cận-đại phải học anh-văn ngay từ lớp 6 ; C. Đ. T. H. không có môn này mà cũng không cần đến nó.

(Xem tiếp trang 17)

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p· 0 một vé

Tả-quân Lê Văn-Duyệt

(1763-1832)

Số 4

NGUYỄN TRIỆU

Một ngày kia, đức Minh-mạng xuống chiếu cho vời tất cả các cố đạo tây ở trong nước về Huế để Hoàng-đế có việc ủy thác, các thầy ở trong Nam ngoài Bắc lục-tục kéo nhau về cả Phú-xuân thì đều bị tống ngục. Bấy giờ các Đức cha mới bàn nhau gửi thư vào Gia-định cầu-cứu với quan Tả-quân vì trừ Lê văn Duyệt ra, không còn ai có thể bảo-toàn tính-mệnh cho các cố đạo tây được.

Sau khi được tin ấy, Tả-quân Lê hét lên mà rằng:

— « *Ta phải tiến kinh ngay mới được! Sao lại có việc tàn bạo đến như thế này! Sao Thánh thượng không nghĩ đến những công-lao các thầy (1) giúp ta những lúc cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc!* »

Thế rồi quan Tả-quân liền đem hết các giấy-tờ của đức Cao-hoàng ngày xưa trao đổi với đức thầy Bá-Đa-Lộc cùng là những tang-chứng khác về công lao của các người Pháp đã giúp đức Cao hoàng khi còn ở xứ Gia-định rồi tức khắc [illegible] đường ra Huế. Bây giờ vào [illegible] dông nam Đinh-hợi (Décembre 1827), Tả-quân Lê vào bệ-[illegible] đức Minh-mạng mà tỏ bày [illegible] việc ấy thì các thầy liền được tha ra hết và đâu lại về đó giảng đạo như xưa.

Khi bấy giờ những tàu của người Pháp sang xứ ta mà vào cửa sông Saigon thì bao giờ cũng được Lê Tả-quân vui vẻ tiếp rước, song trái lại, nếu không biết, mà vào cửa Đại hay cửa Thuận thì sẽ bị bạc đãi liền, nên thời bấy giờ những người phương Tây qua lại nước Nam chỉ có Tả-quân Lê văn Duyệt là bạn tốt của người Pháp. Trong cuốn *Souvenirs de Hué* của Michel đức Chaigneau cũng có một đoạn ca-tụng quan Lê Tả-quân như vậy.

Năm Minh-mạng thứ ba (1822), Lê văn Duyệt đang làm tổng-trấn thành Gia-định (bấy giờ Trương-Tiến Bảo (1752 1827) làm phó tổng-trấn), có việc giao-thiệp với mấy người Anh-cát-lợi khi họ cặp bến Cần-thơ một chiếc tàu biển.

Rồi, để tránh tiếng hiềm-nghi về mặt ngoại-giao, Duyệt cùng Bảo có liên danh làm một tờ tấu, trình việc ấy lên Triều đình Huế.

Cứ như trần-liệt-phẩm (collection) bày ở khu Lịch sử trong Hội-chợ Hà-nội năm 1941-42, thì tấu bản ấy bằng chữ nho, viết trên thứ giấy lịnh rộng khổ trong có đóng ấn « Gia định tổng-trấn » (hình vuông) và dấu « Gia-định thành tổng-trấn chi ấn » (hình chữ nhật) Đến chỗ vua Minh-mạng châu phê mấy chữ « Tri đạo hiểu. Kham thử! » (Biết rồi. Kính đấy!) thì có đóng ấn hình tròn trong đề « Ngự tiền chi bảo ».

Tài liệu này do bạn Hoa-Bằng giúp cho và dịch đỡ tờ tâu-trình ấy như dưới:

« *Khâm sai Gia-định thành tổng-trấn thần là Lê văn-Duyệt và phó tổng-trấn thần là Trương-Tiến-Bảo cúi đầu; rập đầu trăm lạy kính cẩn tâu rằng:*

« *Nguyên trước đây, ngày mồng tám tháng này có một chiếc tàu hạng lớn của nước Hồng mao cặp bến Cần giờ. Viên-quan coi giữ bến ấy đã xét hỏi và dẫn viên thuyền-trưởng Crawfurd vào thành đệ trình một phong thư bằng tiếng hồng-mao của Lord Hasting Pierre Medard Diard, tổng-đốc nước ấy*

« *Bấy tôi đã sức viên thông-ngôn tiếng tây là Lê văn-Minh và viên thày thuốc người Ba-lang-sa (Pháp) là Đi-a-đề ?) cùng với Trần-Thái người Tàu cùng đi tàu ấy, theo nguyên-thư mà dịch ra để trình-bày tỏ-tường.*

« Bầy tôi xét theo những lời đã dịch, thấy lối nói tuy hơi khác với ta, nhưng nhận kỹ ra, thì ý trong thư chỉ là muốn tìm chút phương-tiện để lo-tính làm ăn mà thôi, chứ không đả-động đến việc ngoại-giao với nhân-thần là điều đáng kiêng-răn chi hết

« Bầy tôi nghĩ họ là hạng người ngoài vòng giáo-hóa, nên chỉ lấy lời dịu-dàng mà bảo họ đi, chứ không cự-tuyệt gì cho lắm.

« Bọn họ lại đem tặng bầy tôi một tấm nhung hồng, một tấm nhung xanh, một tấm nhung kẻ, một tấm vải in mắt voi, một tấm vải in cánh sâu sa, một tấm vải to, một cái kính thiên-lý, 10 thùng dả tiêu (dùng làm thuốc súng) và một đôi súng lay.

Bầy tôi đã ngọt-ngào từ-chối, song họ không chịu.

« Những sự-tình ấy bầy tôi đã làm biểu tấu. Đến ngày 18 tháng này, bọn họ cáo từ, xin ra cửa bến Cần-giờ để lại đáp tàu cũ vượt ra biển tới Kinh đàng thư lên trình.

« Bầy tôi thiết tưởng tụi nhãi ấy rất là giảo-hiệt, nên đã mật sai cai-đội Nguyễn Công-Cần trong đội nhất quân Võ tín ở trong thành đi đến nơi canh-gác ở Cần giờ, điều bát lấy một chiếc thuyền biển nhanh nhẹ theo hút tàu ấy. Bầy tôi lại dặn Nguyễn Công-Cần rằng nếu chiếc tàu ấy quả cứ một đường tới Kinh để chiếm bái thì thôi; vì bằng thấy họ táp vào địa-phương nào thì phải đến trình quan sở tại biết rõ để phòng ngừa đừng để tụi nhãi ấy giở trò ma-mãnh ra mới được.

« Mới đây, thấy cai-đội Nguyễn Lộc Thái ở đội thứ tư, vệ thứ nhất quân Tả bảo trong thành là người đi hộ tống, về trình rằng hồi giờ mùi (từ 1 đến 3 giờ chiều) ngày 19 tháng này, chiếc thuyền hồng-mao đã xuôi gió, dương buồm, vượt biển đi rồi.

« Vậy xin kính-cẩn trình-bày là thế. Nép xin Nhà-vua sáng tỏ như đuốc soi xét rõ cho. Bầy tôi xiết bao canh-cánh, nơm-nớp, thật sợ, thật hãi!

« Cẩn tấu.

« Ngày 20 tháng 7, năm Minh-mạng thứ ba (5 Septembre 1822)

Thần : Lê văn-Duyệt

Thần : Trương Tiến-Bảo

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

(1) Thời bấy giờ gọi các cố đạo là các thầy

Vấn đề « HỌC »

(Tiếp theo trang 15)

3°) Về sử-ký, khoa-học, toán-pháp, chương-trình trung học dàn ra sáu bầy năm, hết bậc nhất mới hết một nửa chương-trình thôi, trong khi C. Đ. T. H. mới phải thu hết vào trong 3 năm, nghĩa là phải sơ-lược đi nhiều.

Về sử-ký, hai lớp 6 và 5 trung-học học toàn về sử Hi-lạp và La-mã cả. Những ông thư-ký tương-lai của sở công sở tư, những người sẽ hoạt-động về thương-mại, kỹ-nghệ, có cần gì những môn ấy đâu

Về khoa-học, bậc nhất trung-học chỉ có tự-nhiên học (sciences naturelles); lên đến bậc nhì mới có vật-lý-học (physique) và hóa-học (chimie).

Về toán pháp, lớp 6, 5, 4 trung-học chỉ có môn số-học (arithmétique) thôi; từ lớp 3 trở lên mới có đại-số-học (algèbre) và kỷ-hà-học (géométrie).

C. Đ. T. H. phải làm sao trong 3 năm có đủ ngần ấy thứ, nhưng theo một chương-trình rút ngắn đi nhiều

Bỏ C. Đ. T. H. và bắt học-sinh của nó phải sang trung-học, thì những ai vì hoàn-cảnh gia-đình bó buộc hoặc vì thi hỏng những kỳ thi đặt ở cuối lớp 3, mà phải từ-giã học-đường, tất sẽ có một cái học thiếu-thốn về sử ký, khoa học, toán-pháp.

4°) Về địa dư, 3 năm C. Đ. T. H. có thể theo chương-trình 3 lớp 5, 4 và 3 trung-học đã ấn-định như thế này :

Năm thứ nhất C. Đ. T. H. (lớp 5 trung-học) : Thế-giới trừ Âu-châu ra (Le Monde moins l'Europe)

Năm thứ nhì C. Đ. T. H. (lớp 4 trung học) : Âu-châu trừ nước Pháp ra (L'Europe moins la France)

Năm thứ ba C. Đ. T. H. (lớp 3 trung học) : Nước Pháp (La France)

Ngoài ra năm thứ ba C. Đ. T. H. của ta còn thêm mỗi tuần một giờ học : địa-dư bản xứ, cũng như cũng như hai năm nhất và nhì mỗi tuần thêm một giờ học quốc-sử.

Tôi giám chắc, với những chứng cớ đã dẫn ra đây, độc-giả cũng đã công nhận như tôi rằng : vì công-dụng phải khác nhau, vì chương-trình phải khác nhau nên có một nền cao-đẳng tiểu-học 3 năm như tôi đã bầy tỏ mà cũng nên có một ngành trung học cận-đại đầy đủ, thêm vào ngành cổ-điển Á-đông hiện đã có của ta.

Thế là tôi đã trả lời cho câu hỏi : Tại sao không bắt chước sự cải-cách của người Pháp?

NGUYỄN NHÃ.

Cũng về vấn-đề « Học », đọc Tri Tân số : 59-60-66-69-89-91-93 97-98-101-102.

MỘT VÀI KIỂN VĂN
trong dịp đi thăm làng Bối-khê

Số 2

VU-NGÃ

Nguyễn Trực có khiếu thông minh, bé mà chăm-chỉ, 12 tuổi đã biết làm văn, 18 tuổi đỗ Hương-tiến thứ nhì ở Sơn-tây. 26 tuổi (1442), đỗ đầu đệ nhất giáp tiến sĩ, tức là trạng nguyên khoa nhâm tuất niên hiệu Đại-bảo thứ 3. Năm Nhân-tôn Thái-hòa (1443-1454) làm Hàn-lâm học-sĩ đô kỵ-úy rồi được phong làm An-phủ sứ ở Nam-sách, thăng Hàn lâm viện thị giảng kiêm ngự tiền học sinh, 2 cục thị-cận và thị ngự-tiền, làm trung-thư thị lang, vâng mệnh đi sứ Tàu. Gặp kỳ thi, ông là Bối-thần xin ứng cử, lại đỗ tiến sĩ cập đệ. Cho nên đời bấy giờ gọi là « lưỡng quốc Trạng-nguyên ».

Nam Diên-ninh thứ 2 (1455), nhà có tang, ông về quê, học trò 4 phương theo học kể đến hàng nghìn. Hết trở có sứ nhà Minh sang, vua Lê Nhân-Tôn (1443-1458) sai ông làm những văn thư đi lại và làm biểu mừng vua Tàu lên ngôi. Vua sai thợ vẽ, vẽ tượng ông để bên tả bên hữu.

Ông thường đi sứ Tàu có họa nam bài thơ tiễn biệt với sứ nhà Minh.

Vua Nhân-Tôn gặp biến, ông làm văn-tế nhời rất thương xót.

Vua Thánh-Tôn lên ngôi (1460), vàng trọng ông về từ-chương. Năm Quang-Thuận thứ 2 (1461), cho ông làm Tuyên-phụng đại-phu trung-thư lệnh, tri tam quán-sự đại liên ban. Quyển lịch-triều hiến-chương có sao một bài thơ của ông, dưới bản rằng: « Xem như thế có thể tưởng tượng được cái phong-độ khí-khái của ông ».

Năm Hồng-đức thứ tư (1473) thăng Gia-hạnh đại-phu, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, kiêm quốc tử-giám Tế-tửu. Năm ấy ông mất, thọ 57 tuổi Bình-sinh có làm quyển *Vân-liêu tập (Đăng khoa lục* chép là *Bối-khê thi tập*). Học trò thường gọi là Vân-liêu tiên-sinh. Ông là người đỗ cao, được trọng dụng, mà công danh coi hờ hững, thường có ý « cấp lưu dũng thoái ». Thật là người cao thượng.

Nghe xong tiểu-sử cụ Nguyễn Trực do anh Trọng-Thìn kể, công chúng đứng một phút yên lặng hướng vào ban thờ để kỷ niệm một vị danh nho đã từng làm vẻ vang cho nước Việt.

Đoạn các bạn ra sân xem bia rồi lục-tục ra về để đi viếng nhà thờ quan Hoàng-giáp Lê Huy-Trâm ở mé tay trái chùa Bối.

Từ-đường họ Lê quy mô khá rộng, ngoài có nhà đại-bái 5 gian, trong là hậu-cung ba gian có bệ thờ. Hoành phi câu đối nhiều lắm.

Cụ Lê-Huy-Trâm (1742-1802) trước tên là Lê-Huy-Tuân, sau đổi là Huy-Trâm, tự Ứng-Hiên, người xã Bối-khê, sinh giờ thìn, ngày mồng chín tháng 11 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng thứ 3 (1742).

Cụ đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa Kỷ-hợi (1779) niên hiệu Cảnh-hưng thứ 40. Khi còn nhỏ, đi học, tay không lúc nào rời quyển sách, gặp câu văn nào hay, Huy Trâm biên chép ngay, đọc qua một lần là nhớ hết. Năm 21 tuổi, đỗ sinh-đồ; năm 37 Trịnh-vương tâu xin vua mở thịnh khoa, Huy-Trâm định không thi nữa, nhưng cụ thân-sinh là Tham-nghị Lê Cảnh bảo rằng: « Khai khoa là của nhà vua chứ không phải chúa Trịnh chuyên-quyền, con nên thi đỗ giúp nước, cha cũng được trông thấy sự hiển-vinh ». Huy-Trâm vâng lời, thi đỗ Hoàng-giáp làm quan Hàn-lâm viện hiệu-lý rồi thăng đến thị-độc. Khi ấy, quân Tam-phủ làm loạn, cụ Huy-Trâm lấy lẽ phải dỗ bảo được yên, hết thảy đều vui lòng quy thuận.

Sau cụ cáo nghỉ về phụng-dưỡng song-thân. Chẳng bao lâu Mẫu thân mất. Đang cư tang thì quân Tây-sơn kéo ra kinh thành Thăng-long, cụ đem quân chống giữ. Trận đánh Mai-lĩnh, em là vệ-úy Bích đi trước, bị hại, cụ đem binh đánh lấy lại được thi-thể của em đem về. Chỉ trong mấy tháng toàn hạt phủ Ứng-thiên lại được yên-tĩnh.

Qua năm Đinh-mùi, niên hiệu Chiêu-Thống năm đầu (1787), cụ lại gặp luôn tang phụ-thân. Ngày thường cư-quan vốn liêm nên không thừa thải gì, trải sau hai cái tang ấy, gia cảnh rất túng thiếu, nhưng cụ vẫn thản nhiên.

Tháng 9 năm ấy, phụng chiếu cầu vương, cụ đem quân vào kinh thành hộ-vệ. Tháng 10, quân Tây-sơn lại kéo ra, vua Chiêu-thống phải chạy lên Lạng-sơn, cụ cùng Trường-phái hầu Lê Quýnh theo hầu Hoàng-thái-hậu và Nguyên-tử sang Tàu cầu viện. Tháng 10 năm sau, niên hiệu Chiêu-thống thứ 2 (1788), Tổng đốc Lưỡng quảng

là Tôn-Sĩ-Nghị đem 20 vạn binh sang ứng viện, lấy lại được kinh-thành Thăng-long, cụ được tấn phong Ứng-khê-hầu, lĩnh chức Hiệp-trấn Sơn-nam.

Tháng 12 mới đi phó nhiệm thì cũng chính tháng ấy, quân Tây-sơn lại kéo ra Bắc. Khi nghe quân địch đến nơi, quan Trấn-thủ Sơn-nam là Hàm-xuyên-hầu Hoàng-Tố-Nghĩa, đang đêm bỏ dinh mà chạy sang đông trước, quân bản trấn cũng tản nát cả. Dưới trướng cụ chỉ còn có mười mấy người vừa học trò vừa lính dõng. Cụ bèn đặt hương án ở giữa sân bày các cáo sắc vua ban, lễ vọng về Lam-sơn mà đốt đi cả; đoạn, lấy lời nghĩa-phẫn dụ-bảo quân bản-trấn, vừa nói vừa ứa nước mắt khóc. Quân lính cảm động, xin theo được chừng 500 người. Cụ liền sắm sửa đủ lương thực khí-giới, đương đêm kéo lên kinh-thành. Nhưng đi đến Thanh-trì, quân theo chỉ còn mấy chục tên, vì họ nghe thanh-thế của quân Tây-sơn mạnh lớn, nên đều sợ hãi bỏ trốn cả. Cụ phải cải trang lén đến nhà người học trò ở làng Bùi-xá. Đến nơi thấy 2 con giai, ông em cùng người nhà đều ở tại đấy, ai nấy vừa mừng vừa sợ.

Rồi quân Tây-sơn đã ầm ầm như gió như bão kéo đến Thăng-long đánh tan mấy chục vạn quân Thanh. Bấy giờ là ngày mồng 6 tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789). tướng nhà Thanh là Tôn-sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy. Vua Chiêu-Thống lại phải chạy trốn sang Tàu.

Được tin báo chậm, cụ không theo kịp xa-giá, khóc mà than rằng:

« Vô chùng khả trác hương-nham địa
« Hữu trụ nan kinh kỷ-quốc thiên.»

Định xong Bắc-hà, vua Quang-trung nhà Tây-sơn truyền chỉ đòi những bày tôi cũ nhà Lê phải đến bái-yết. Cụ Trâm khóc mà nói:

— « Nhà ta hưởng thụ ơn vua lộc nước, đến ta đã là năm đời, nay sự-thế đến như thế này, nếu không liều mình đền đáp ơn trên, cũng nên ẩn thân ở chốn núi rừng, giữ trọn tiết của kẻ bày tôi, há nên thất thân với họ khác ?»

Ông em là Lê-Huy-Thân cũng khóc mà nói:

« Nay bọn mình cần phải trốn đi để đợi thời mới được.»

Đến đêm, cụ Lê-Huy-Trâm đem gia-quyến, chạy lên ở làng Lưỡng-quán thuộc Sơn-tây, rồi lại thiên đến xóm núi, tại bến Suối, thuộc làng Thanh-trì, huyện Bình-Toàn (nay là Bình-xuyên, tỉnh Vĩnh-yên), cũng ở trấn ấy. Bấy giờ vì cớ đòi gọi không ra, vua Tây-sơn sai tịch thu cả gia-sản của cụ ở Xã-đàn và ở Bối-khê. Cụ được tin báo, cười mà rằng:

— « Nước vỡ thì nhà phải tan, ta là phận kẻ làm tôi còn phàn-nàn gì nữa !»

Vì ở Thanh-trì, lương thực không được kế tiếp, cụ lại đến ở làng Can-phôi. Ở được mấy hôm, có người chết, lại đến Lưỡng-quán, đến Phúc-sài, từ đó chỗ ở thường không nhất định. Cụ có bài thơ thuật hoài trong hồi này rằng:

Tảng loạn niên lai khứ ngụ san,
Giản biên tàm phả Thạc-nhân khoan (1)
Viêm lương nhiệm thích hưng cư lý,
Phong ước đồ vong nhật dụng gian.
Mễ hữu thời không, vu thực trở;
Ngư phi thường đắc, giải đăng bàn.
Nhâm sinh đãn sử tâm vô quỷ,
Thân ngoại hà phương mộng huyễn khan.»

Xin tạm dịch:

Từ phen loạn-lạc đến nay,
Núi non là chỗ tháng ngày nau thân.
Bên khe, thơ Thạc-nhân luống trạnh,
Chỗ ở, tùy nóng lạnh sá chi!
Thân này gặp buổi lưu-ly,
Đói no nào có quản gì nắng mưa!
Không có cá lấy cua làm trọng,
Củ khoai môn ngọt giọng thay cơm
Tâm chẳng thẹn, chỉ không sờn,
Thân ngoài xem tựa một cơn mơ-màng!

(*Còn nữa*)

VU NGÃ

(1) L. T. S. — *Thạc-nhân là người ẩn-sĩ. Trong kinh thi có câu: « Thạc-nhân chi khoan ».*

Sắp có bán

QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN TUÂN

Gần 500 trang. — Ấn loát công phu. Bản thường: 4$50. Bản quí: 20$

Anh Hoa

69-Rue du Charbon-Hanoi

Thư và tiền đề tên

ô. Mai-văn-Phúc

TrầnThủ-Độ...

(*Tiếp theo trang 7*)

Trang sử sơ-lược kể trên đã khiến chúng ta nhận chân được sự dũng-mãnh của binh-lính đời Trần. Chúng ta lại còn tự hào là ông cha chúng ta đã tạo ra những đạo quân tinh-nhuệ luôn hai lần làm tỏa-nhục quân Mông-cổ là những đạo quân bách chiến, bách thắng. Hồi-hộp và mừng rỡ rồi chúng ta mới biểu thấu rằng tài an bang, tế thế của Trần-Thủ-Độ với giang sơn Việt-nam không phải là nhỏ. Là vì, nếu năm ất-dậu (1225), Trần-Thủ-Độ không bày mưu cho Trần thay Lý thì chắc chắn rằng 32 năm về sau (đinh-tị 1257), vua, tôi nhà Lý (vì nhà Lý còn làm vua nước Nam) với chính-sách cai-trị đồi-tệ thế tất phải hàng phục quân Mông-cổ mà dân-tộc Việt-nam lại chẳng sao tránh khỏi cuộc Bắc-thuộc. Trần Thủ-Độ cướp ngôi nhà Lý nhưng Trần-Thủ-Độ không làm mất nước Nam. Vả, quân Mông-cổ tuy tài giỏi và đánh đâu được đấy chấn-động cả Âu-châu, nhưng binh-lính Việt-nam được huấn-luyện chu-đáo và có tinh-thần đoàn kết mạnh-mẽ đã khiến đoàn binh sĩ hiếu sát ấy ôm cái nhục đại bại về Tàu.

Chúng ta lại còn biết rõ hơn nữa là lệ cuống bách dầu quân và việc tổng động binh mà mãi đến cuối thế-kỷ thứ XVIII các nước Âu, Mỹ mới thi-hành thì tại nước Việt-nam ngay từ đầu thế-kỷ thứ XIII, Trần-Thủ-Độ đã đem ra áp-dụng.

Sử-gia Ngô Sĩ-Liên, tác giả cuốn Đại-Việt sử-ký, cho rằng sở dĩ vua nhà Trần còn sống đã nhường ngôi cho con và lên làm Thái thượng-hoàng thì không những tránh được sự tranh dành ngôi-báu mà còn xem-xét được mọi việc trong nước bằng các cuộc nhàn du. Vì thế võ công, văn trị đời ấy nhất thiết về phương diện gì cũng rực-rỡ. Chúng tôi cũng công-nhận thế và chúng tôi còn muốn thêm rằng : Vua, tôi nhà Trần đã hết sức tôn trọng tư-tưởng của nhau, nên gặp lúc nguy-biến mới hết lòng tin cậy vào nhau để đi đến cuộc thắng lợi hoàn-toàn. Ai đọc sử Việt-Nam mà chẳng cảm-động khi xem đến đoạn Trần Nhân-Tông hỏi ý-kiến các bô lão nên « hòa » hay « chiến » lúc nhà vua được tin Thoát Hoan sắp kéo đại đội binh mã sang xâm nước Nam. Và, vào lúc quốc dân ta còn tôn-trọng quân-quyền, nghĩa vua, tôi rất phân-biệt, mà Trần Thánh Tông (1258-...7) lại cho phép các hoàng-thân vào ở trong nội điện cùng ăn một mâm, nằm một giường, hết sức thân-ái thì cũng là một việc hãn-hữu lắm mới có thể có trong lịch-sử Á Đông. Chính Trần-Thủ-Độ là người đã treo cái gương giản-dị ấy cho các vua, chúa? Nhưng, trước mắt hậu-thế, Trần-Thủ Độ chỉ là một tên đại gian-hùng. Người ta đã kết án Trần-Thủ-Độ mà chẳng xét đến công việc Trần-Thủ Độ làm. Cho nên, viết mấy giòng này mục đích duy-nhất của chúng tôi chỉ muốn mọi người sẽ công bình một chút khi định giá-trị của người xưa. Và, bằng-cứ vào chính-sự của Trần-Thủ Độ chúng ta có thể nói rằng : ngay từ thế-kỷ thứ XIII, ông cha chúng ta đã sống dưới quyền cai-trị của một vị thủ tướng giỏi. Vị đó đã hoàn-toàn cải cách lại nước ta từ võ công đến văn-trị khiến cho dân-tộc Việt-nam từ bước suy yếu ở cuối đời Lý đã trở thành mạnh-mẽ, luôn 2 lần toàn thắng quân Mông-cổ kiêu-hùng.

Cái dĩ-vãng ấy ngày nay tuy đã vùn-vụt qua rồi ; nhưng, sức mạnh đánh dấu non sông linh-tú này bằng những giòng máu đỏ đầy vinh

HỒ BA BỂ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ

HỒ BA BỂ ?

xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BỂ

ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.

in tại nhà in Tri-Tân

giá 2$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nam TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa Phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$60, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyen-xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

Đón coi

Ai sửa lại quyển « Lục Vân-Tiên » của Nguyễn Đình-Chiểu ?

DƯƠNG QUANG-HÀM

dự diễn ra trên dải Bạch-đằng giang vẫn còn mãi mãi. Bởi vậy, chừng nào một người dân Việt-nam còn ca-ngợi sự đắc-thắng lẫy-lừng của Hưng-Đạo đại-vương Trần Quốc-Tuấn thì chừng nấy người ta vẫn còn phải tưởng nhớ đến Trần-Thủ-Độ...

(Hết)

SÔNG-BẰNG

(Tài liệu để viết bài này đều sưu-tầm trong những cuốn : Nam sử tập biên, Khâm định việt sử thông giám cương mục chính biên, Đại việt sử ký toàn thư (bản kỷ). Histoire moderne du pays d'Annam của Maybon, và L'Annam d'autrefois của Pierre Pasquier).

---

(1) Lễ minh-thệ này khởi đầu từ đời nhà Lý. Sách Đại Việt sử ký toàn thư quyển 2 tờ 15 chép : « Tháng 3 năm Thiên-thành thứ nhất (1028) đời Lý Thái-Tông (1028-1054) ba vương làm phản. Ngày hôm trước, Lý Thái-Tông nằm mộng thấy một vị thần tự xưng là thần núi Đồng-cổ bảo nhà vua : « Vũ-đức vương, Đông-chinh vương, Dực-thánh-vương làm loạn, nhà vua nên mau mau cất quân để đánh » Lý Thái Tông tỉnh dậy, sai phòng bị nghiêm-ngặt, quả nhiên hiệu nghiệm. Lập tức nhà vua sai quan hữu-ti lập miếu ở bên hữu thành Đại la sau chùa Thánh-thọ thờ vị thần kể trên. Ngày 25, tháng ba, năm ấy (1028), trong miếu đắp đàn, dương cờ xí chỉnh đội ngũ, treo gươm giáo Ở trước bài vị thần, các quan đọc lời thề : « Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thần minh giết đó ». Các quan từ cửa đông đi vào qua bài-vị thần kể trên, uống máu ăn thề. Mỗi năm lễ đó cử hành một lần. Sau này vì tháng ba có quốc-kỵ, (kỵ vua Lý Thái-Tổ (1010-1028) nên hoãn đến mùng 4 tháng tư. Ai trốn không đến thề đều phải phạt 50 trượng ».

Vấn-đề cống người vàng...

(Tiếp theo trang 3)

tông tuy nhờ tài ngoại-giao của ông Nguyễn Hãng mà ta tạm thoát được cái « nợ Liễu Thăng » trong một lúc, nhưng sau đó, chắc rồi người Thanh lại vin lệ cũ mà yêu xách như xưa. Chứng-cớ : Đến đời Thanh Càn-long, Phúc Khang-An hãy còn lên tiếng đòi hỏi về việc cống ấy. May nhờ triều Quang-trung (1788-1792) có binh hùng tướng mạnh ở sau lưng, nên ta lại một phen nữa, hoàn toàn thắng-lợi về mặt trận ngoại giao ấy. Thế mới biết, ở đời nào và nước nào cũng vậy, có thực-lực sung-túc rồi mới có thể nói chuyện ngoại giao với nước ngoài được.

HẾT

HOA-BẰNG

---

1) Nhờ sức họ Trịnh, vua Lê đuổi được nhà Mạc, lấy lại được Thăng long từ năm Quang hưng thứ mười sáu (1593).

2 Tự Hằng-phu, hiệu Nghị-trai, người làng Phùng xá, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây.

3) Trong sử sách chữ hán của ta xưa vẫn quen gọi đời Lê phục-quốc là Tiền Lê. (1428-1526), đời Lê Trung-hưng là Hậu Lê (1533-1787).

4) Trong lệ cống, có món nước ở giếng Cổ-loa để rửa hạt châu. Chuyến ông Nguyễn Hãng đi sứ (1718) này cũng phải đem cống cả nước rửa hạt châu ấy nhưng dọc đường, đi nhà đò mất cả, ông bèn múc nước giếng Ba-sơn để đem đi. Khi người Thanh thử dùng, hãy không nghiệm nữa, họ có vặn lại ông. Ông trả lời : « Cái khí đã đến lâu ngày thì tan biến đi ! » Vì vậy, lệ cống « nước rửa châu » này cũng nhà ông mà được dùng.

Chua thêm — Chữ « công » ngày xưa là tiếng tôn xưng. Chẳng hạn, khi chép về Nguyễn Hãng, các cụ xưa thường viết là Nguyễn-công Hãng thì ấy như bây giờ viết là ông Nguyễn Hãng. Vậy thiết tưởng nhiều chữ « công » trong tên người xưa phần đông không phải là chữ đệm.

MUỐN BIẾT :

TIỂU-SỬ CỦA DANH-NHÂN NAM-KỲ

Khoa Võ :

Đỗ thanh-Nhân, Châu văn-Tiếp, Võ-Tánh, Ng.-huỳnh Đức, Lê-v Duyệt, Ng.-văn-Thành, Ng.-văn-Thoại, Trương tấn-Bửu, Dương-công-Trừng.

Khoa Văn :

Võ trường-Toản, Ngô-tùng-Châu, Ngô-nhân-Tịnh, Lê quang Định, Trịnh-hoài-Đức, Phan-thanh-Giản, Thủ-khoa Nghĩa, Đỗ Chiểu, Trương-vĩnh-Ký, Huỳnh-mẫn-Đạt, Cử Trị, Tôn thọ-Tường, Học Lạc.

MUỐN BIẾT :

SỰ TÍCH MẠC-CỬU KHAI THÁC HÀ-TIÊN

Hãy đọc « Nam-kỳ danh-nhân »

Quyển sách này đã được Sở Tuyên-Truyền công nhận là hữu ích về phương-diện lịch-sử và khuyến khích.

Soạn-giả : ĐÀO-VĂN-HỘI

Tri-phủ Secrétaire de Province — à Soctrang

Sách dày gần 300 trương bán 3$00 (cước 0$40).

Mua sỉ từ 10 quyển đến 20 quyển, huê-hồng 10%

— trên 20 quyển, — 20%

Sách in có hạng, mua mau kẻo hết

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 27

NGUYỄN HUY TƯỞNG

LÂN cho là đã nói được một câu ý-vị, phá lên cười, và nắm lấy Bùi-Đăng tát lấy tát để. Bùi-Đăng sung-sướng vừa van lậy, vừa cố gỡ ra. Khi được chủ buông, hắn vào buồng lấy mũ hoa, bào đỏ đai ngọc, hia da, cho Đặng-Lân, lại tô mày kẻ môi, phút chốc Lân đã thành một vai tuồng nhăng-nhố.

Cờ rong, trống mở, đồ bát bửu dàn bày, đàn sáo nhã nhạc tấu lên. Bùi-Đăng và hơn năm mươi tên gia nhân bận võ-trang, đeo kiếm dài, rước Đặng-Lân lên mình con ngựa bạch, yên vàng, bành gấm. Tàn lọn, cờ quạt xúm xít che kín, trông sặc sỡ những màu đỏ, màu xanh, và lóng-lánh những mặt kính, những hột vàng, những tua kim-tuyến. Sau Đặng-Lân lại có một toán năm mươi võ sĩ xếp hàng hai theo hộ vệ, và đi đoạn hậu là một bọn gia nhân mặc áo nẹp, khiêng một chiếc giường thất-bảo, màn bát tiên, ở trong người ta nhận thấy đôi gối thêu uyên ương, nệm gấm, chăn gấm hương thơm bay ngào-ngạt. Khi thấy cửa phủ Đặng Lân mở rộng, và cờ quạt ở trong rước ra, mấy người hàng phố kêu lên ba tiếng thất thanh :

— Cậu Trời đấy !

Tức-thì người ta chạy tán-loạn, nhất là những đàn bà con gái. Tiếng kêu trời, kêu đất, xen lẫn với tiếng đóng cửa ầm ầm.

Đặng-Lân lên ngựa truyền dõng-đạc :

— Đi về phía chùa Trấn quốc.

Đám rước từ từ đi, và Đặng-Lân thênh-ngang trên mình ngựa, đôi mắt diễu hân nhìn ngang nhìn ngửa, thỉnh-thoảng lại nói chuyện với Bùi-Đăng.

Cô Hoàng-thị-Ngọc, đúng với tên cô, là một trang kiều-diễm, nổi tiếng không những ở kinh-thành, mà còn ở các tỉnh xa. Quan huyện Hoàng-công-Thành hiếm hoi chỉ sinh được một mình cô, nên ngài yêu-dấu và chiều chuộng rất đỗi. Vì phải bổ vào trong Nam giúp Việp Quận-Công về việc từ hàn, nên quan để phu nhân và con gái ở nhà, nhân thể để hầu-hạ bà lão-mẫu bấy giờ đã ngoại tám mươi. Ba người đàn bà ở một ngôi nhà cổ ở Thụy-khê. Tuy là tiểu-thư, nhưng cô Ngọc không quen thói xa-hoa, nàng vẫn theo mẹ chăn tằm ươm-tơ, thức khuya dậy sớm. Một người bạn quan huyện đã hỏi nàng cho con trai, một tay hay chữ có tiếng ở Kinh-bắc. Hai nhà đã thuận, nhưng vì nhà trai có bụi, nên việc cưới vẫn còn hoãn.

Ba bà cháu, mẹ con ở đấy, sống một cuộc đời yên lặng. Một hôm, cậu Trời đi qua, cả làng khiếp sợ. Chính cô Ngọc, hôm ấy đi lễ, bị Đặng-Lân bắt gặp. cũng may mà nàng nhanh chân trốn được. Mấy người đã bàn nhau sắp bỏ nhà đi nơi khác, thì được giấy của quan huyện nói sắp-sửa thăng chức và bổ về làm việc ở một phủ gần kinh-thành. Vả, sau đấy, được tin cậu Trời đã lấy Quận-chúa, và ngót hai tháng, không thấy hắn hoành hành đâu nữa, nên đều yên trí rằng tên vô-lại đã cải tâm cải tính. Vì thế gia-đình cô Ngọc lại ở lại Thụy-khê, không tính đến việc dọn đi nơi khác nữa...

Hôm ấy, cô Ngọc đang ngồi bên cạnh bà và mẹ, vừa quay tơ vừa nói chuyện, ai nấy mơ-màng đến quan huyện ở xa, một mình nơi quân thứ, và đều mong quan chóng trở về để gia-đình xum-họp. Chợt một bà láng giềng hớt-hơ hớt hải chạy qua nói :

— Bà lớn và cô có chạy đi không. Cậu Trời đến đấy. Tôi phải chạy về ngay bảo con em đi trốn.

Bà huyện nghe rụng rời, muốn hỏi nữa thì người kia đã chạy mất. Thấy con gái sợ và ngơ ngác bà Huyện nói :

Bà và mẹ thì không cần, còn con thì phải trốn đi mới được. Con theo mẹ ra sau vườn, mẹ con theo cánh đồng chạy lên Bưởi, rồi vào ẩn-nấp ở đâu, chứ ở đây không được, nó đã biết con rồi !

Bà huyện vừa gọi người bõ già ở nhà trông nom cụ cố và sắp dắt con gái chạy, thì đã thấy một lũ côn-đồ, kẻ gươm, người giáo, phát giậu đi vào. Bà huyện thất kinh, cô Ngọc rú lên một tiếng. Lũ côn đồ đã tiến lên thềm. Nhà không có cửa thông ra sau, mà chúng thì đông đặc phía ngoài. Biết là nguy tới nơi, bà huyện bảo con nấp vào xó cửa rồi chạy ra hỏi :

— Các bác hỏi gì, mà vào sừng sộ thế ? Đi ăn cướp à ?

Còn sừng-sộ bằng mười nữa. Đây là người nhà Quốc-cữa, bà định bướng, phải không ? Đây không đi cướp của, nhưng đi cướp người. Cô Ngọc có nhà không ? Cậu đang đợi bên bờ hồ Tây.

— Cháu nó đi vắng.

— Đi vắng à ? Đi vắng thì nọc xác mụ ra.

Hồ trọng-Vũ nói xong, quay bảo lũ đi theo :

— Vào bắt cô Ngọc. Cậu đã cho người thám-thính, biết chắc là cô ấy có nhà.

Bà huyện run lên :

— Quả thực cháu không có nhà. Chúng tôi còn có mẹ già, sợ nhiều người vào kinh động cụ. Xin các ông xét cho.

Cả bọn cười, ầm lên, chế nhạo. Vũ thét :

— Vào tìm mau ! Chậm-trễ thì có đứa chết

Chúng xông vào, chỉ nháy mắt đã bắt được cô Ngọc lôi ra. Bà huyện chạy lại, thấy con khóc - lóc, cũng òa lên khóc Bà xụp xuống lậy Hồ trọng-Vũ :

— Xin ông tha cho cháu. Tôi chỉ có một mình nó.

Cô Ngọc cũng kêu :

—Lậy ông,ông tha tôi,đừng bắt tôi. Thà giết tôi còn hơn.

Trọng-Vũ nói :

— Chỉ có một lúc thôi, xong cậu lại cho về. Rồi hắn truyền :

— Điệu ra mau.

Bà huyện chạy lại giữ con, thì bị một chiếc tay thước đánh vào giữa lưng, bà ngã lăn ra, đau quá không kêu được nữa.

Cô Ngọc thương mẹ, cố hết sức chống-cự để thoát ra, nhưng sức đào tơ liễu yếu, nàng bị chúng kéo đi, xa xa còn văng vẳng tiếng khóc nghe rất não nuột.

Đặng Lân đợi cô Ngọc ở bờ hồ Tây. Giường đã kê, màn, chăn, nệm, gối tinh tươm. Cạnh đấy lại có một chiếc bàn, bầy cỗ sang-trọng cờ quạt cắm la liệt, và những đường lối thông vào khu Lân đóng đều có dựng biển cấm người ngoài đi lại. Lân đã bỏ mũ hoa, áo bào tía, chỉ mặc chiếc áo xanh hoa đỏ, và quần nhiễu điều, lững thững đi đi lại lại, ra ý đợi - chờ. Tuy đã sang đông nhưng trời còn mát. Hắn tưởng-tượng đến cái lạc thú đê mê : chung chăn gối với gia-nhân bên sông hồ xanh biếc, giữa một buổi trời đông tươi đẹp.

Mắt hắn bỗng sáng lên vì vui mừng. Xa xa thấy bọn gia - nhân xúm xít khiêng một chiếc cáng đi về. Có tiếng khóc tỉ tê, rõ ra tiếng con gái, Lân nhảy nhót sung-sướng :

— Đích rồi ! Chúng nó bắt được con Ngọc rồi ! Phen này thì mày trốn lên mây.

Tay còn cách xa, Lân đã hỏi Hồ-trọng Vũ :

— Ngọc, phải không, nói mau cho cậu mừng.

Hồ trọng-Vũ thưa :

Con đã cam đoan với cậu, nếu không được, xin nộp đầu kia mà.

Bọn gia nhân đã đặt cáng xuống, họ lôi cô Ngọc ra, lúng túng trong một cái túi gấm thắt đầu. Nàng vùng đứng dậy, tóc mây xõa trên vai, má đỏ ửng, mắt long lanh, cái vẻ mộc-mạc và hơi sốc-sếch của nàng càng tăng phần kiều - diễm. Nàng định tìm đường trốn, nhưng chung quanh gia-nhân cậu Trời đứng đông, không có lối thoát thân Nàng tức-giận quát :

— Thế là nghĩa-lý gì ?

Cậu trời đã sắn đến. Hắn toe-toét nói :

— Mỹ nhân lại đây cùng ta uống rượu.

Hắn giữ chặt hai tay cô Ngọc, và say sưa hết nhìn vòng ngọc bích đeo bên tay trái, làm bật nổi nước da ông nuốt như tơ, lại ngắm đôi mắt đẹp tuyệt trần, đen lanh lảnh và hai má không giồi phấn mà trắng như bông. Tuy mím lại vì giận-dữ, đôi môi vẫn không giấu nổi vẻ thắm tươi Cô Ngọc rụt tay không được. Nàng nói :

— Em xin cậu, cậu tha cho em.

— Tha là thế nào ? Mình hãy vào cùng ta uống chén rượu « hợp-cẩn ».

— Cậu đừng nói thế, không ai nghe được. Bỏ tôi ra, không có thì chẳng ra gì.

— Ừ ? Chẳng ra gì ? Mình hãy lại đây uống rượu rồi sẽ hay

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điển (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 491

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của Lê-văn-Hựu *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$00 — Bản giấy Vergé bouffant 8$50
Tổng phát-hành : **Mai-Linh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU
ĐÀO-DUY-ANH
*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN
của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer HAIPHONG

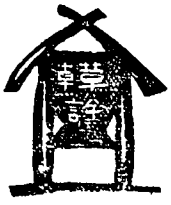

TỦ SÁCH TÂN VĂN HÓA
do nhà
HÀN-THUYÊN
71, Tiên-Tsin — HANOI

MỚI CÓ BÁN *2$20*

NGUỒN GỐC VĂN MINH
Trong bộ « NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ »
của NGUYỄN BÁCH KHOA

ĐÃ XUẤT BẢN

— **NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ** (1$80)
của *NGUYỄN BÁCH KHOA*
— **ÓC KHOA HỌC** (2$20)
của P. N. KHUÊ
— **GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI** (1$80)
— **ĐỜI SỐNG THÁI CỔ** (2$20)
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
*

Ở xa mua 1 cuốn xin trả tiền trước thêm 0$40 cước. Không lệ bán lĩnh hóa giao ngân

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur Gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi